**CHUYÊN ĐỀ 1: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG**

**(Số buổi: 3)**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** - Nắm vững các chuyển động của Trái Đất và các hệ quả.

- Đặc điểm các thành phần của tự nhiên: Địa hình, lớp vỏ khí, lớp nước

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận thức khoa học địa lí: qua thông tin, hình ảnh, sơ đồ....

- Tìm hiểu địa lí, phân tích hình ảnh, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế; thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Tôn trọng quy luật tự nhiên.

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.

**II. Chuẩn bị của GV và HS**

**1. Chuẩn bị của GV:** Bài soạn + tài liệu tham khảo

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK địa lí 6

**III. Tiến trình bài dạy**

**BUỔI 1:** Ngày giảng : 15 / 9 /2021

1. **Vị trí của TĐ trong hệ Mặt Trời .**

Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 trong số các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời .

**2.** **Ý nghĩa của vị trí thứ 3 :** Vị trí thứ 3 của TĐ là 1 trong những điều kiện rất quan trọng để góp phần nên TĐ là hành tinh duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.

**3. Hình dạng , kích thước của TĐ và hệ thống kinh , vĩ tuyến .**

TĐ có hình cầu, kích thước của TĐ rất lớn. Diện tích tổng cộng của TĐ là: 510 triệu km2.

**4. Hệ thống kinh vĩ tuyến :**

Các đường kinh tuyến nối liền 2 điểm cực Bắc và cực Nam, có độ dài bằng nhau.

Các đường vĩ tuyến vuông góc với các đường kinh tuyến có độ dài nhỏ dần từ xích đạo về cực (Các đường vĩ tuyến song song với nhau ).

Từ vĩ tuyến gốc (xích đạo) lên cực B là nửa cầu B, có 90 vĩ tuyến B (1độ vẽ 1vĩ tuyến )

Từ vĩ tuyến gốc (xích đạo) xuống cực Nam là nửa cầu Nam , có 90 vĩ tuyến Nam

Kinh tuyến Đông bên phải kinh tuyến gốc, thuộc nửa cầu Đông.

Kinh tuyến Tây bên trái kinh tuyến gốc , thuộc nửa cầu Tây .

**5. Công dụng:** Các đường kinh tuyến , vĩ tuyến dùng để xác định vị trí của mọi địa điểm trên bề mặt TĐ .

**6. Khí áp và gió trên TĐ .**

*a . Khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất .*

**

\* Khí áp : Là sức ép rất lớn của không khí lên bề mặt đất.

* Dụng cụ đo khí áp: khí áp kế.
* Khí áp trung bình chuẩn là 760 mm thủy ngân.

Cứ lên cao 10m thì khí áp giảm 1mm.

\* Các đai khí áp : Các đai khí áp cao và thấp phân bố xen kẻ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo.

*b. Nguyên nhân hình thành các đai khí áp trên TĐ.*

- Do sự phân bố bức xạ Mặt Trời theo vành đai dẫn đến sự phân bố nhiệt theo vành đai khác nhau ( khí áp phụ thuộc vào nhiệt độ).

- Vùng XĐ quanh năm nóng, không khí nở ra, bốc lên cao, sinh ra vành đai khí áp thấp XĐ (do nhiệt).

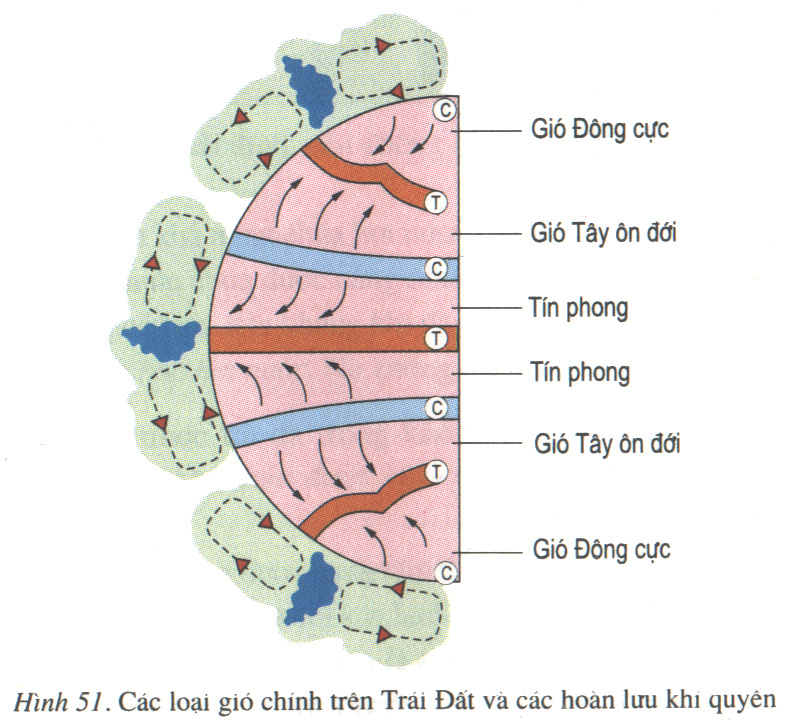
- Không khí nóng ở XĐ bốc lên cao tỏa sang 2 bên đến vĩ tuyến 30o B và N , không khí lạnh bị chìm xuống sinh ra 2 vành đai khí áp cao ở khoảng 30oB - N(do động lực).

- Ở 2 vùng c/B và N, tO thấp quanh năm, ko khí co lại, sinh ra 2 khu áp cao ở cực (do nhiệt)

- Luồng không khí ở cực về và luồng không khí từ đai áp cao sau khi gặp nhau ở khoảng 60o B - N thì bốc lên cao sinh ra 2 vành đai áp thấp.

*c. Gió và các hoàn lưu khí quyển.*

**



* Gió : Sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp.
* Trên bề mặt TĐ sự chuyển động của không khí từ các đai khí áp cao về các đai khí áp thấp tạo thành hệ thống gió thổi vòng tròn gọi là hoàn lưu khí quyển .

Do sự vận động tự quay của TĐ nửa cầu Bắc lệch về phía tay phải , nửa cầu Nam lệch về phía tay trái (nhìn xuôi theo chiều gió thổi).

- Gió tín phong và gió tây ôn đới là hai hoàn lưu khí quyển quan trọng nhất .

- Không khí có trọng lượng ->khí áp .

- Gió tín phong, gió t©y «n ®íi l¹i thổi tầm 300 B và 300 N vì do không khí nóng bốc lên cao nén chặt xuống mặt đất và toả sang 2 bên tạo ra các khu khí áp trong đó có gió tÝn phong và gió tây ôn đới.

**7. Hơi nước trong không khí và mưa :**



->Nhiệt độ càng tăng thì không khí cũng tăng .

Thành phần: Không khí

Nitơ:18%. Oxi:21%. Các loại khác : 1% (cacbonnic, bụi, hơi nước )

- Không khí có hơi nước : do sự bốc hơi. Ko khí chứa một lượng lớn hơi nước nhất định, ko khí càng nóng thì càng chứa nhiều hơi nước, kokhí bão hoà thì chứa một lượng hơi nước nhất định .

- Khi kh«ng khí bão hoà mà vẫn được cung cấp thêm nước hoặc bị hoá lạnh thì lượng hơi nước có trong kh«ng khí sẽ ngưng tụ và đông lại thành các hạt nước tạo ra mây, mưa, sương.

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố khá đồng đều tõ xích đạo về cực .

- Các loại sương :

+ Hơi sương lơ lửng trong kh«ng khí là sương mù.

+ Sương mong manh trên mặt hồ là sương bụi .

+ Hơi sương đọng lại trên mặt băng nhỏ là sương muối.

\* Cách tính lượng mưa :

* Lượng mưa trong ngày = tổng cộng của các đợt mưa trong ngày.
* Lư­ợng m­ưa trong tháng = tổng l­ượng mư­a các ngày trong tháng.
* **Lư­ợng m­ưa trong năm = tổng l­ượng mư­a các tháng trong năm.**
* **L­ượng mư­a TB năm = tổng l­ượng mư­a nhiều năm cộng lại chia cho số năm.**

**8. Các đới khí hậu trên Trái Đất**

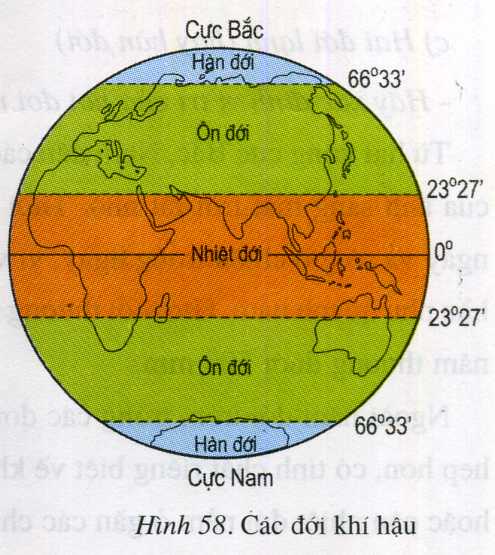
*\* Các chí tuyến và vòng cực .*

- Chí tuyến B là đường vĩ tuyến 23o27’B.

- Chí tuyến N là đường vĩ tuyến 23o27’ N

- Vßng cực B là đường vĩ tuyến 66o33’B.

- Vòng cực N là đường vĩ tuyến 66o33’N.



Dạng 3: Các loại bài toán về tính giờ.

- Vẽ trục giờ ra và cho học sinh biết sự khác nhau về ngày giữa phía Đông và phía Tây.

+ Nếu đi từ Đông sang Tây thì trừ đi 1 ngày.

+ Nếu đi từ Tây Sang Đông thì cộng thêm 1 ngày.

- Hướng dẫn cho học sinh thêm về cách tính từ kinh độ ra múi giờ khi đề bài không cho múi giờ.

Cộng thêm 1 ngày Trừ đi một ngày

13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Ít hơn phía Đông 1 ngày Sớm hơn phía Tây 1 ngày

- Lập công thức tổng quát cho dạng bài tập tính giờ.

Ví Dụ: A B

Tính Cho

Cho Tính

+ Tìm A = B – số múi giờ chênh lệnh giữa A và B.

+ Tìm B = A + số múi giờ chênh lệch giữa A và B.

Lưu ý: Chỉ cần cho học sinh biết được sự chênh lệnh về số múi giờ trên trục múi giờ, rồi ta cộng vào hoặc trừ ra theo trục múi giờ.

Ví dụ 1: Một bức điện đánh từ An Giang đến Paris vào lúc 14h,1/1/2010.Hai giờ sau Paris nhận được điện. Hỏi lúc đó ở Paris là mấy giờ,ngày tháng năm nào?(giờ Paris, biết Parí có múi giờ số1).

Ví dụ 2: Một bà mẹ ở Việt Nam gọi điện chúc tết cho con gái đêm giao thừa ở New york vào ngày 1/1/2008. Hỏi khi đó ở Việt Nam là mấy giờ,ngày tháng năm nào? (biết New york có múi giờ số 19)

Dạng 4: Bài toán về hệ quả Trái Đất quay quanh Mặt Trời và quay quanh trục.

Sự lệch hướng của các vật thể:

- Ở bán cầu Bắc vật lệch về bên phải so với hướng chuyển động

- Ở bán cầu Nam vật lệch về bên trái so với hướng chuyển động

**BUỔI 2: Ngày dạy: 22/9/2021**

**I. Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả.**

*1. Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.*

- Trái Đất quay quanh trục tưởng tượng nối liền hai cực trục Trái Đất và nghiêng 66o33' trên mặt phẳng quỹ đạo.

- Hướng tự quay: Từ Tây sang Đông.

- Thời gian tự quay 24h/vòng. (1 ngày đêm)

- Người ta chia bề mặt Trái Đất thành 24 khu vực giờ. Mỗi khu vực có một giờ riêng thống nhất gọi là giờ khu vực.

- Khu vực kinh tuyến gốc đi qua chính giữa gọi là khu vực giờ gốc và đánh số O còn gọi là khu vực giờ gốc (GMT).

(Giờ tính theo khu vực giờ gốc có đường kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn ) . Nước ta nằm ở khu vực giờ thứ 7 .

- Giờ phía Đông sớm hơn giờ phía Tây.

- Kinh tuyến 180o là đường đổi ngày quốc tế .

*2. Hệ quả sự vân động tự quay quanh trục của Trái Đất* .

*a. Hiện tượng ngày và đêm .*

Trái Đất có dạng hình cầu, do đó Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa, nửa được chiếu sáng là ngày, nửa bị khuất là đêm.

Do Trái Đất tự quay quanh trục nên khắp nơi trên bề mặt Trái Đất lần lượt có hiện tượng ngày và đêm.

*b. Vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất bị lệch hướng.*

*- Nếu nhìn xuôi theo chiều chuyển động, ở nửa cầu Bắc vật lệch về bên phải, ở nửa cầu Nam vật lệch về bên trái.*

**II. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời .**

*1. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời .*

- TĐ c/động quanh MT theo hướng từ T sang Đ. Trên quỹ đạo có hình elip gần tròn.

- Thời gian TĐ chuyển động trọn một vòng trên q/đạo là 365ngày 6giờ(N¨m thiªn v¨n )

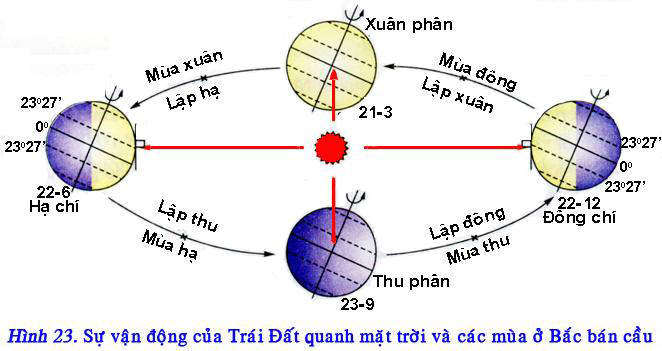
- Năm lịch là 365 ngày. Cứ bốn năm có một năm nhuận.

b. *Hiện tượng các mùa :*

- Khi chuyển động trên quỹ đạo, trục T§ bao giờ cũng có một độ nghiêng ko đổi và hướng về một phía.

- Hai nửa cầu luân phiên nhau ngã gần và chếch xa Mặt Trời sinh ra các mùa.

- Sự phân bố lượng nhiệt, ánh sáng và cách tính mùa ở hai nửa cầu hoàn toàn trái ngược nhau.



- Cách tính mùa theo dương lịch và âm lịch có khác nhau về thời gian.

Ngoài hiện tượng các mùa, sự chuyển động của TĐ quanh MT còn sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau và hiện tượng số ngày có ngày , đêm dài suốt 24h ở các miền cực thay đổi theo mùa .



**14. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa**

1*. Hiện tượng ngày, đêm dài gắn trên các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất.*

- Do trục TĐ nghiêng nên trục nghiêng của TĐ và đường phân chia sáng tối ko trùng nhau các địa điểm trên bề nặt TĐ có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau.

+ Mọi địa điểm trên dường xích đạo có ngày và đêm như nhau.

+ Từ xích đao về hai cực thời gian chênh lệch giữa ngày và dêm càng lớn.

*2. Ở miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 h thay đổi theo mùa.*

- Vào ngày 22-6 và 22-12 các địa điểm ở:

+Vĩ tuyến 66033’B

+ Vĩ tuyến 66033’N Có một ngày hoặc một đêm dài suốt 24 h.

- Từ vòng cực đến cực ở hai bán cầu số ngày hoặc đêm dài suốt 24 h tăng lên.

- Ở hai cực có ngày đêm dài suốt tháng.

Vào ngày 21-3 ánh sáng MT chiếu vuông góc với vĩ tuyến bao nhiêu? Vĩ tuyến đó được gọi là đường gì ?

(Vào ngày 22-6 ánh sáng MT chiếu v/góc với vĩ tuyến 23027’B. Đây là giới hạn cuối cùng ánh sáng MT tạo được một góc vuông xuống nửa cầu B vĩ tuyến này được gọi là CTB)

? Vào ngày 22-12 (Đông chí ) ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc với vi tuyến bao nhiêu ? Vĩ tuyến đó có tên gọi là gì ?

(giới hạn cuối cùng mà ánh sáng Mặt Trời tạo được một góc vuông xuông nửa cầu Nam là vĩ tuyên 23027’N đường đó được gọi là chí tuyến Nam ) .

\* Vào các ngày 22-6 và ngày 22-12 ở các vĩ độ 66033’ Bắc và Nam có hiện tượng ngày đêm dài suốt 24 h

- Vĩ tuyến 66033’B là giới hạn cuối cùng mà ánh snág mặt trời chiếu được xuông mặt đất của nửa cầu Bắc vào ngày 22-12 và đường này gọi là vòng cực Bắc .

- Vĩ tuyến 6603’N là giới hạn cuối cùng mà ánh sáng MT có thể chiếu xuông được bề mặt Trái Đất vào ngày 22-6 và vĩ tuyến đó gọi là vòng cực Nam .



**Buổi 3 Ngày dạy: 29/9/2021**

**Một số câu hỏi và bài tập**

Câu 1: Nếu Trái Đất chuyển động theo kinh tuyến quanh mặt trời nhưng không tư quanh xung quanh trục thì hiện tượng gì xảy ra trên bề mặt Trái Đất?

*\*Trả lời :*

- Nửa cầu Bắc sẽ là ngày . - Nửa cầu Nam sẽ là đêm . - Ngược lại .

+ TĐ vẫn có ngày và đêm 1năm chỉ có 1 ngày và 1đêm .

+ Ngày dài 6 tháng , đªm dai 6 tháng .

+ Sự chênh lệch về nhiệt độ gữa ngày và đêm dẫn tới sự chênh lệch về khí áp gữa ngày và đêm từ đó hình thành lên những luồng gió cưc mạnh ->bề mặt Trái đất không có sự sống .

Câu 2 :Thời tiết là gì ? Để nghiên cứu thời tiết cần quan sát những yếu tố nào ?

*\*Trả lời*: - Thời tiết là hiện tượng xảy ra trong một địa phương .

- Quan sát thời tiết cần quan tâm đến : nhiệt độ , lượng mưa , khí áp gió , độ ẩm.

Câu 3 : Mưa axit là gì? Nguyên nhân xảy ra mưa axit ? Tác hại của mưa axit đối với sản xuất.

*\*Trả lời:* - Mưa axit là mưa có độ pH=5,7 trong trường hợp khí quyển bị ô nhiễm có sự gia tăng các chất SOn nước mưa hoà tan thành axit khi đó pH của nước mưa giảm xuống 3 hoặc ít hơn nữa . Những trận mưa có độ pH thấp gọi là mưa axit .

- Nguyên nhân : là hoạt động của núi lửa , cháy rừng , các vũ khí hạt nhân bị khử , khói thải từ các nhà máy..

- Tác hại : làm nước ao hồ bị bẩn tôm cua cá chết đất trồng bị thoái hoá , cầy trồng bị chết và ảnh hưởng đến con người ( Viêm phế quản , trẻ em bị ốm , hen ).

Câu 4: Đặt tên sơ đồ và ®iÒn vµo chỗ trống?

*\*Trả lời :* Sơ đồ đường chuyển động biểu diễn hàng năm của mặt trời :

- Mặt trời lên đỉnh hai lần trong một năm lại là các điểm A và C nên ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào lúc 12 giờ trưa .

- Tại điểm B và D thì mặt trời chỉ lên đỉnh một lần vào ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 tại điểm B và D .

Câu 5 :

Sơ đồ khí áp , nhiệt độ thay đổi theo độ cao :

A. 760mm: 24oC. B. 560mm: 12oC. C. 460mm:6oC D. 560mm: 16oC. E. 760mm: 36oC

Sưên AC là sườn đón gió khí ẩm và nhiệt độ giảm dần cứ 100m giảm 0,6 độ C , đây là điều kiện để gây mưa.

Sườn CE khi không vượt qua được sườn AC hơi nước giảm , nhiệt độ tăng theo tiêu chuẩn là không khí khô khi xuống sườn núi CE với gió khô và nóng .

*\*Trả lời :* - Cách tính :

+ Lên cao 1000m giảm 6o C .

+ \_\_\_\_\_\_\_100m giảm 0,6o C.

- Từ cao xuống thấp 1000m tăng 10oC.

- Từ thấp lên cao giảm 6oC .

Câu 7 : Vào lúc 19h ngày 15.2.2003 tại Hà Nội khai mạc SEAGAME 22.Hỏi lúc đó là mấy giờ , ngày bao nhiêu tại các địa điểm sau: Xeun:120oĐ

Matxcơva : 30oĐ ; Pari : 2oĐ; Lot Angiơ let :120oT (Biết Hà Nội :105oĐ)

*\* Trả lời :*

Hà Nội thuộc mui giờ thứ 7.

Xê un thuộc mi giờ ; 120:15= 8

 Khoảng cách chênh lệch giữa Xê un và Hà Nội l 8 – 7 = 1 .

Pari thuộc múi giờ 0 (=24h) Khoảng cách chênh lệch từ HN và Pari :7 – 0 =7.

Matxcơva thuộc múi giờ :30 : 15 = 2

 K/c chênh lệch từ HN đến Matxcơva :7 – 2 = 5 .

Lot Angiơ let thuộc mi giờ : (360- 120) : 12 = 16

 K/c chênh lệch từ HN đến Lot Angiơ let:16 – 7 = 9 .

Vì giờ HN lúc đó là 19 giờ ngày 5.12.2003

 Giờ của Xê un 19 + 1 =20h ngày 5.12.2003 .

Giờ của Pari 19 - 7 =12h ngày 5.12.2003

Giờ của Matxcơva 19 - 5 =14h ngày 5.12.2003

Giờ của Lot Angiơ let 19 + 8 =28h – 24h = 4h ngày 6.12.2003

Câu 8 : Nhân dịp năm mới , bạn Hà ở Quảng Ninh ( múi giờ thứ 7) ,đúng 1h ngày1.1.2004 gửi thiệp chúc mừng 1 bạn ở Ha-ba-na( Cu Ba) thuộc múi giờ 19 , sau 2 tiếng thì bạn ở Ha-ba-na nhận được . Hỏi lúc đó là mấy giờ , ngày bao nhiêu ?

*\* Trả lời :*

Ở QN là 1h ngày 1.1.2004 thì giờ ở Ha-ba-na là : 1+ (19 - 7) = 13h ngày 1.1.2004.

Số giờ ở Ha-ba-na : 13+ 2 = 15h ngày 1.1.2004 .

Câu 9 :

Ở QN là 1h ngày 1.1.2004 thì giờ ở Ha-ba-na là : 1+ (19 - 7) = 13h ngày 1.1.2004.

Số giờ ở Ha-ba-na : 13+ 2 = 15h ngày 1.1.2004 .

**CHUYÊN ĐỀ 2: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM (Số buổi: 3)**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững các nội dung về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, vùng biển Việt Nam, các thành phần tự nhiên: Địa hình, khoáng sản, khí hậu.

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận thức khoa học địa lí: qua thông tin, hình ảnh, sơ đồ....

- Tìm hiểu địa lí, phân tích hình ảnh, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế; thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Tôn trọng quy luật tự nhiên.

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.

**II. Chuẩn bị của GV và HS**

**1. Chuẩn bị của GV:** Bài soạn + tài liệu tham khảo

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK địa lí 8, Atlat địa lí VN

**III. Tiến trình bài dạy**

**BUỔI 4** Ngày giảng : 6 / 10/2021

**1. Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam**

*Phần đất liền:*

- Diện tích 329.247km2, kéo dài 15 vĩ độ, hẹp ngang. Chiều dài Bắc – Nam 1650km, nơi hẹp nhất theo chiều Tây – Đông khoảng 50km ( tỉnh Quảng Bình )

- Nằm trọn trong múi giờ thứ 7 theo giờ GMT

- Giáp biển với chiều dài đường bờ biển 3260km

- Đường biên giới trên đất liền dài 4550km.

- Nằm trong vòng đai nhiệt đới nửa cầu Bắc

+ Các điểm cực nằm trên phần đất liền:

+ Điểm cực Bắc: Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang 23023’B – 105020Đ.

+ Điểm cực Nam: Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau 8034’B – 104040’Đ

+ Điểm cực Tây: Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên 22022’B – 102010’Đ

+ Điểm cực Đông: Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hoà 23023’B – 105020’Đ

*Phần biển:*

- Diện tích khoảng 1 triệu km2, có hơn 3000 đảo

Những đặc điểm của vị trí địa lí về mặt tự nhiên

- Vị trí nội chí tuyến

- Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước ĐNÁ đất liền và ĐNÁ hải đảo.

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật

**2. Đặc điểm địa hình Việt Nam**

Ba đặc điểm cơ bản:

*2.1. Đa dạng, nhiều kiểu loại: địa hình đôì núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.*

- Đồi núi: là bộ phận quan trọng của nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam. Núi chiếm ¾ diện tích phân đất liền, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp dưới 1000m chiếm 85%. Núi kéo dài hơn 1000km, từ biên giới Tây Bắc tơí Đông Nam Bộ, tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển đông. Nhiều nơi lan ra sát biển hoặc chia cắt bờ biển, hoặc bị biển nhấn chìm tạo thành các đảo, quần đảo ( Vùng biển Quảng Ninh)

- Đ/bằng: chỉ chiếm ¼ diện tích, bị đồi núi chia cắt thành nhiều ô nhỏ, nhiều khu vực.

*2.2. Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và trẻ lại, tạo thành nhiều bậc địa hình kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa với hướng chủ yếu là hướng TB-ĐN và hướng vòng cung.*

- Trải qua hàng chục triệu năm không được nâng lên, cùng các vùng núi bị ngoại lực bào mòn, phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng cổ, thấp và thoải.

- Đến Tân kiến tạo, vận động tạo núi Hy-ma-lay-a đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa…Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển, trùng với hướng tây bắc-đông nam và được thể hiện rõ qua hướng chảy của các dòng sông lớn.

- Trong từng bậc địa hình lớn như đồi núi, đồng bằng, bờ biển, còn có các bậc địa hình nhỏ như các bề mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, thềm biển…đánh dấu sự nâng lên của địa hình nước ta thời kỳ tân kiến tạo.

*2.3. Địa hình nước ta luôn biến đổi do tác động của môi trường nhiệt đới gió mùa và tác động của con người.*

- Cùng với Tân kiến tạo, hoạt động ngoại lực của khí hậu, của dòng nước và của con người là những nhân tố chủ yếu và trực tiếp hình thành đại hình hiện tại của nước ta.

- Trong môi trường nóng ẩm, gió mùa, đất đá bị phong hoá mạnh mẽ. Lượng mưa lớn và tập trung theo mùa đã nhanh chóng xói mòn, cắt xẻ, xâm thực các khối núi lớn…

- Các dạng địa hình nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều trên đất nước ta như các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch, hồ chứa nước…

**BUỔI 5. Ngày dạy: 13/10/2021**

**3. Đặc điểm các khu vực địa hình**

*3.1 Khu vực đồi núi: Vùng núi Đông Bắc. Vùng núi Tây Bắc. Vùng núi Trường Sơn Bắc. Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam. Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng núi Đông Bắc** | **Vùng núi Tây Bắc** |
| - Là một vùng núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, đi từ dãy Con Voi đến vùng đồi ven biển Quảng Ninh  - Gồm các dãy núi thấp và vùng đồi trung du phát triển rộng  - Núi cao nhất: Tây Côn Lĩnh (2419m)  - Hướng núi: Vòng cung  - Các dãy núi chính: Các cánh cung Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm  - Địa hình đón gió mùa đông bắc, có mùa đông lạnh nhất nước, thời tiết hay nhiễu động  - Vành đai nhiệt xuống thấp vào mùa đông.  - Địa hình các-xtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp: Hạ Long, Ba Bể | - Nằm giữa sông Hồng và sông Cả  - Gồm các dãy núi cao( 1500-2500m) xen kẻ với sơn nguyên, thung lũng, bồn địa  - Núi cao nhất: Phan-xi-păng(3143m)  - Hướng núi: Tây Bắc – Đông Nam.  - Các dãy núi chính: Hoàng Liên Sơn, sơn nguyên đá vôi dọc sông Đà, các dãy núi ven biên giới Việt – Lào  - Địa hình chắn gió đông bắc, chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.  - Nhiều vành đai tự nhiên theo độ cao  - Địa hình các-xtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp: Sapa, Mai Châu |
| **Vùng núi Trường Sơn Bắc** | **Vùng núi và cao Nguyên Trương Sơn Nam** |
| - Từ phía Nam sông Cả đến dãy núi Bạch Mã, dài khoảng 600km  - Đây là vùng núi thấp, có hai sườn không cân xứng, sườn Đông hẹp, dốc, nhiều đèo, thông sang Lào ( Keo Nưa, Mụ Gia…), nhiều nhánh núi nằm ngang chia cắt đồng bằng duyên hải Trung Bộ.  - Hướng núi tây bắc-đông nam  - Núi cao nhất: Pu-sai-lai-leng(2711m)  - Địa hình chắn gió Tây Nam tạo ra gió phơn khô nóng thổi xuống đồng bằng ven biển  - Cảnh đẹp: Phong Nha, Kẻ Bàng. | - Từ phía Nam dãy Bạch Mã đến ĐNB.  - Là vùng núi, cao nguyên hùng vĩ và với các cao nguyên xếp tầng rộng lớn: Kom Tum, Gia Lai, Đắc Lắk, Lâm Viêng, Di Linh, Mơ Nông. Các cao nguyên bề mặt có phủ badan, xếp tầng có độ cao 400m, 800m, 1000m  - Núi, cao nguyên làm thành cung lớn quay lưng ra Biển Đông.  - Núi cao nhất: Ngọc Linh (2598m )  - Là nóc nhà của phía Nam bán đảo Đông Dương, nơi bắt nguồn nhiều dòng chảy về phía Đông, phía Nam, Phía tây  - Cảnh đẹp: Đà Lạt |

\* Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ phần lớn là những thềm phù sa cổ có nơi cao tới 200m, mang tính chất chuyển tiếp giữa miền núi và miền đồng bằng.

*3.2. Khu vực đồng bằng: Đồng bằng hạ lưu châu thổ các sông lớn: Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Đồng bằng duyên hải Trung Bộ*

- ĐB SCL: Cao TB 2-3m so với mực nước biển có DT khoảng 40.000km2, do phù sa S MêKông bồi đắp. Có cá đê bao trong phạm vi hẹp, có nhiều vùng trũng rộng lớn: Đồng Tháp Mười, khu Tứ Giác Long Xuyên. DT đất mặn, đất chua mặn rất lớn. ĐB SCL là vùng trọng điểm lúa số 1 nước ta.

- ĐB SH: có DT khoảng 15.000km2 do phù sa S Hồng và S TBình bồi đắp. Có hệ thống đê chống lũ vững chắc dài 2700km. Các ô trũng thấp hơn mực nước ngoài đê 3 đến 7m. Có lịch sử khai thác lâu đời, là vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm thứ 2 của cả nước.

- Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ: Có tổng diện tích khoảng 15.000km2 và chia thành hiều đồng bằng nhỏ, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hoá ( 3100km2 ). Do núi vùng duyên hải T/Bộ núi phát triển đâm ra sát biển, hẹp ngang, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, lũ lên nhanh và rút nhanh nên các đồng bằng ở đây đều nhỏ hẹp và kém phì nhiêu.

*3.3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa*

- Bờ biển: Dài 3260km, chia thành nhiều đoạn khác nhau. Bờ biển ở các đồng bằng châu thổ có nhiều bãi bùn, bãi triều, rừng ngập mặn, thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ sản, khai thác muối. Bờ biển ở các vùng chân núi, hải đảo khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh sâu thuận lợi xây dựng hải cảng, nhiều bãi cát đẹp thích hợp cho du lịch tắm biển.

- Thềm lục địa: rộng khoảng nửa triệu km2, độ sâu TB 50-100m. Mở rộng ở vịnh BBộ, vùng biển NBộ, thu hẹp ở vùng biển TBộ. Có nhiều bể trầm tích dầu khí, k/sản kim loại…

**BUỔI 6. Ngày dạy: 20/10/2021**

**4. Đặc điểm khí hậu Việt Nam**

*- Các nhân tố hình thành khí hậu VN:* Vị trí địa lí. Hoàn lưu gió mùa. Bề mặt địa hình

*- Đặc điểm chung của khí hậu Việt nam:*

*4.1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:*

- Tính nhiệt đới: Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được 1 triệu kilô calo/năm, số giờ nắng đạt từ 1400 – 3000giờ/năm. Nhiệt độ TB trên 210C và tăng dần từ Bắc vào Nam.

- Gió mùa: có hai mùa khí hậu phù hợp với hai mùa gió là mùa đông lạnh với gió mùa Đông Bắc và mùa hạ nóng ẩm với gió mùa Tây Nam.

- Tính ẩm: Lượng mưa TB năm đạt từ 1500-2000mm/năm. Một số nơi do điều kiện địa hình, lượng mưa hàng năm tăng lên rất cao như Bắc Quang(Hà Giang) 4802mm, Hoàng Liên Sơn(Lào Cai) 3552mm, Huế 2568mm và Hòn Ba(Quảng Nam)3752mm. Độ ẩm không khí trên 80%.

*4.2. Tính đa dạng và thất thường*

Tính đa dạng: Khí hậu nước ta phân hoá mạnh mẽ theo không gian và theo thời gian

- Theo không gian:

+ Miền khí hậu phía Bắc, từ Hoành Sơn(Vĩ tuyến 180B) trở ra, có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa và nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt. Mùa hè nóng và mưa nhiều.

+ Miền khí hậu Đông Trường Sơn bao gồm phần lãnh thổ T Bộ phía Đ dãy Trường Sơn, từ Hoành Sơn đến Mũi Dinh (Vĩ tuyến 110B) có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

+ Miền khí hậu phía Nam bao gồm Nam Bộ và Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo, nhiệt dộ cao quanh năm, với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.

+ Miền khí hậu Biển Đông Việt Nam mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

Ngoài ra sự đa dạng của địa hình nước ta đã góp phần hình thành nhiều vùng khí hậu, nhiều kiểu khí hậu khác nhau. Sườn núi đón gió Tây Nam mưa nhiều, sườn khuất gió khô hạn. Các vùng núi quanh năm mát hơn vùng đồng bằng.

- Theo thời gian: Phía Bắc có mùa đông lạnh mưa ít, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều. Phía Nam có một mùa mưa và một mùa khô.

Tính thất thường: Năm mưa nhiều, năm mưa ít, năm rét sớn, năm rét muộn, năm bão nhiều, năm ít bão…

- Sự thất thường trong chế đọ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc hoạt động không điều hoà. Các hiện tượng En-ni-nô và La-ni-na trong những năm gần đây đã làm tăng tính thất thường của thời tiết, khí hậu nước ta.

**6. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta**

*6.1. Mùa gió Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 ( Mùa đông )*

Đây là thời kỳ thịnh hành của gió đông bắc và xen kẻ là những đợt gió đông nam. Trong thời kỳ này thời tiết-khí hậu trên các miền của nước ta khác nhau rõ rệt.

- Miền Bắc: chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa ĐB từ vùng áp cao ở lục địa phương Bắc tràn xuống từng đợt, mang lại một mùa đông không thuần nhất. Đầu mùa đông lạnh khô, cuối đông có mưa phùn ẩm ướt, nhiệt độ TB tháng nhiều nơi xuống dưới 150C. Trên các miền núi cao có thể xuất hiện sương giá, sương muối, tuyết rơi.

- Duyên hải Trung Bộ: cómưa rất lớn vào các tháng cuối năm.

- Nam Bộ và Tây Nguyên: thời tiết khô, nóng, ổn định suốt mùa.

*6.2. Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 ( Mùa hạ )*

Đây là thời kỳ thịnh hành của gió Tây Nam trên cả nước. Ngoài ra, Tín phong nửa cầu Bắc vẫn hoạt động xen kẻ và thổi theo hướng đông nam.

- Nhiệt độ cao đều trên toàn quốc, đạt trên 250C ở các vùng thấp. Tập trung trên 80% lượng mưa cả năm.

- Kiểu thời tiết phổ biến: Trời nhiều mây, thjường có mưa rào, mưa dông.

+ Vùng Tây Bắc và Duyên hải Miền Trung chịu tác đông của gió Tây khô nóng, gây hạn hán vào các tháng 6, 7, 8.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có mưa ngâu kéo dài gây úng ngập.

+ Vùng đồng bằng ven biển thường bị ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão mang lại một lượng mưa đáng kể.

*6.3. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại*

- Thuận lợi: + Sinh vật phát triển quanh năm

+ Có điều kiện thực hiện các biện pháp thâm canh, tăng vụ, xen canh, gối vụ, luân canh…trong sản xuất nông nghiệp.

+ Phát triển giao thông, di lịch quanh năm

- Khó khăn: + Nhiều tai biến thiên nhiên: bão, lũ lụt, hạn …

+ Nấm mốc, sâu bệnh phát triển ảnh hưởng đến đời sống sản xuất.

+ Quá trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ vào màu mưa ở các vùng đồi núi.

Ngày 20/10/2021

Có đủ nội dung bồi dưỡng đúng kế hoạch

TTCM

Lý Thị Xuân

**CHUYÊN ĐỀ 3.**

**Gi¶i c¸c d¹ng bµi tËp vÒ vÏ biÓu ®å**

***(4 buổi)***

**I. Môc tiªu bµi häc:**

**Gióp hs:**

**-** NhËn d¹ng ®­îc c¸c lo¹i biÓu ®å: d¹ng cét, trßn, ®­êng, miÒn… X¸c ®Þnh ®­îc kiÓu biÓu ®å khi ®äc bÊt k× mét bµi tËp thùc hµnh nµo.

- N¾m ®­îc c¸c b­íc c¬ b¶n trong khi vÏ biÓu ®å.

- BiÕt ®äc vµ ph©n tÝch b¶ng sè liÖu, x¸c ®Þnh lo¹i biÓu ®å thÝch hîp ®èi víi y/c cña ®Çu bµi.

- Cñng cè kÜ n¨ng vÏ biÓu ®å vµ vËn dông nh÷ng kiÕn thøc ®· häc vµo nhËn xÐt vµ gi¶i thÝch biÓu ®å ®· vÏ ®­îc. Tõ ®ã lµm cho häc sinh cã c¸ch nh×n nhËn ®¸nh gi¸ c¸c sù vËt, hiÖn t­îng mét c¸ch ®óng ®¾n, chÝnh x¸c vµ kh¸ch quan.

**II. ChuÈn bÞ cña GV vµ HS:**

***- Gi¸o viªn:*** ST c¸c bµi tËp liªn quan ®Õn vÏ vµ ph©n tÝch biÓu ®å

***- Häc sinh:***  GiÊy, bót, th­íc kÎ….

**III. TiÕn tr×nh day häc:**

**BUỔI 7: Ngày dạy: 27/10/2021**

**GV:** Giíi thiÖu cho hs c¸c b­íc tiÕn hµnh vÏ biÓu ®å.

B­íc 1 :

Xö lý sè liÖu (tõ sè liÖu tuyÖt ®èi sang sè liÖu t­¬ng ®èi)

B­íc 2 : VÏ biÓu ®å

- X¸c ®Þnh biÓu ®å cÇn vÏ.

- Chän, chia tØ lÖ thÝch hîp.

- VÏ lÇn l­ît tõng ®èi t­îng.

B­íc 3 : Hoµn thiÖn biÓu ®å

+ Ghi b¶ng chó gi¶i (kÝ hiÖu).

+ Tªn b¶n ®å (tªn chung nÕu lµ biÓu ®å so s¸nh).

***\* Mét sè l­u ý khi vÏ biÓu ®å.***

- §äc kÜ sè liÖu bµi ra.

- TuyÖt ®èi kh«ng dïng mµu ®Ó t«, kÝ hiÖu trªn b¶n ®å.

- NÕu lµ biÓu ®å trßn: khi vÏ ®­êng trßn, vÏ 1 b¸n kÝnh trïng víi ph­¬ng kim ®ång hå chØ 12 giê vµ vÏ theo chiÒu kim ®ång hå.

- BÊt cø mét biÓu ®å nµo còng cÇn chó gi¶i vµ tªn biÓu ®å.

- Khi vÏ bÊt cø mét biÓu ®å nµo còng ph¶i ®¶m b¶o ®­îc 3 yªu cÇu:

+ Khoa häc (chÝnh x¸c).

+ Trùc quan (râ rµng, dÔ ®äc).

+ ThÈm mü (®Ñp).

**GV** ®­a ra mét sè d¹ng bµi tËp thùc hµnh cho hs

**HS:** d­íi sù h­íng dÉn cña gv theo dâi vµ c¸c gi¶i bµi tËp.

**1. BiÓu ®å cét**

*a. yªu cÇu :* ThÓ hiÖn quy m« khèi l­­îng, ®éng th¸i ph¸t triÓn cña mét ®¹i l­­îng nµo ®ã hoÆc so s¸nh t­­¬ng quan vÒ ®é lín giữa mét sè ®¹i l­­îng kh¸c nhau.

*b. C¸c d¹ng:*

- BiÓu ®å cã mét d·y cét ®¬n.

- BiÓu ®å cã tõ 2 - 3 cét gép nhãm cã cïng mét ®¬n vÞ hoÆc kh¸c ®¬n vÞ.

- BiÓu ®å cét chång.

- BiÓu ®å cã nhiÒu ®èi t­­îng thÓ hiÖn trong cïng mét thêi ®iÓm ( thêi gian).

- BiÓu ®å thanh ngang.

*c. C¸ch vÏ:*

- B­­íc 1: Chän d¹ng biÓu ®å thÝch hîp.

- B­­íc 2: VÏ hÖ chôc to¹ ®é, l­­u ý kho¶ng c¸ch năm, chän tØ lÖ trªn trôc tung, ghi ®¬n vÞ trªn c¶ 2 trôc tung vµ trôc hoµnh.

- B­­íc 3: VÏ biÓu ®å cét, cét năm ®Çu tiªn vÏ c¸ch trôc ®¬n vÞ tõ 0,5 - 1 cm. (L­­u ý chiÒu réng c¸c cét ph¶i b»ng nhau)

- B­­íc 4: Ghi c¸c sè liÖu trªn biÓu ®å, cã kÝ hiÖu ®Ó ph©n biÖt, cã tªn biÓu ®å, b¶ng chó gi¶i.

- B­­íc 5: Hoµn chØnh nhËn xÐt, ph©n tÝch.

*d. Bµi tËp ¸p dông:*

**Bµi tËp 1**

Cho b¶ng sè liÖu t×nh h×nh khai th¸c thuû s¶n ë n­­íc ta, giai ®o¹n 1995 - 2005  
 (Đ¬n vÞ: ngh×n tÊn)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ChØ tiªu** | **1990** | **1995** | **2000** | **2002** | **2005** |
| **Tæng s¶n l­­îng** | **890.6** | **1584.4** | **2250.5** | **2647.4** | **3465.9** |
| **- Khai th¸c** | **728.5** | **1195.3** | **1660.9** | **1802.6** | **1987.9** |
| **- Nu«i trång** | **162.1** | **389.1** | **589.6** | **844.8** | **1478.0** |

*1. VÏ biÓu ®å thÝch hîp nhÊt thÓ hiÖn t×nh h×nh ph¸t triÓn ngµnh thuû s¶n ë n­­íc ta giai ®o¹n 1990 - 2005?  
2. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch nguyªn nh©n sù ph¸t triÓn cña ngµnh thuû s¶n trong thêi gian qua?*

1. **VÏ biÓu ®å:**

1584.4

2250.5

2647.4

3465.9

890.6

0

500

1000

1500

2000

2500

3000

3500

4000

1990

1995

2000

2002

2005

Ngh×n tÊn

Khai th¸c

Nu«i trång

**BiÓu ®å t×nh H×NH** **ph¸t triÓn ngµnh thuû s¶n ë n­íc ta,**

**giai ®o¹n 1990 - 2005.**

**N¨m**

**2. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch:**

*a NhËn xÐt:*

- Tæng s¶n l­­îng thuû s¶n tăng 2575,3 ngh×n tÊn (3,75 lÇn), trong ®ã :

+ Thuû s¶n khai th¸c tăng 1259,4 ngh×n tÊn ( 2,74 lÇn)

+ Thuû s¶n nu«i trång tăng 1315.9 ngh×n tÊn ( 9,1 lÇn)

+ S¶n l­­îng thuû s¶n nu«i trång cã tèc ®é tăng nhanh h¬n ®¸nh b¾t.

*b. Gi¶i thÝch:*

Do n­­íc ta cã ĐKTN vµ ®iÒu kiÖn KTXH thuËn lîi, cô thÓ:

+ Vïng biÓn réng, l­­îng h¶i s¶n lín.

+ NhiÒu ng­­ tr­­êng träng ®iÓm.

+ M¹ng l­­íi s«ng ngßi, ao, hå lín, rõng ngËp mÆn...

+ C¬ së vËt chÊt cña ngµnh thuû s¶n ®­­îc tăng c­­êng.

+ Nguån lao ®éng ®«ng ®¶o, cã kinh nghiÖm ®¸nh b¾t, nu«i trång thuû s¶n.

+ ChÝnh s¸ch ph¸t triÓn ngµnh thuû s¶n cña c¶ n­­íc.

+ T¸c ®éng cña thÞ tr­­êng tr­­êng vµ ngoµi n­­íc.

+ S¶n l­­îng thuû s¶n nu«i trång tăng nhanh lµ do ®¸p øng ®­­îc thÞ tr­­êng ®ång thêi còng gãp phÇn h¹n chÕ ®¸nh b¾t kh«ng phï hîp./.

BUỔI 8. Ngày dạy: 3/11/2021

**Bµi tËp 2**

**Cho b¶ng sè liÖu vÒ diÖn tÝch vµ s¶n l­­îng c©y cao su ë n­­íc ta:**

1. *VÏ biÓu ®å so s¸nh vÒ diÖn tÝch vµ s¶n l­­îng c©y cao su ë n­­íc ta qua c¸c n¨m?*
2. *NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch?*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| N¨m | 1985 | 1990 | 1999 |
| DiÖn tÝch (ngh×n ha) | 180,2 | 221,7 | 394,3 |
| S¶n l­îng (ngh×n tÊn) | 47,9 | 57,9 | 214,8 |

**H­íng dÉn lµm bµi tËp**

***a, VÏ biÓu ®å:***

- GV y/c hs x¸c ®Þnh d¹ng biÓu ®å cÇn vÏ: biÓu ®å h×nh cét.

- KÎ hÖ trôc to¹ ®é (trôc tung thÓ hiÖn ngh×n tÊn, ngh×n ha, trôc hoµnh thÓ hiÖn n¨m).

- Chän tØ lÖ thÝch hîp (®é cao cña cét kh¸c nhau, nh­ng ®é réng cña cét b»ng nhau) vµ chän kho¶ng c¸ch phï hîp víi c¸c n¨m.



***\* NhËn xÐt***:

* DiÖn tÝch vµ s¶n l­îng c©y cao su ®Òu cã xu h­­íng t¨ng ( dÉn chøng)
* So s¸nh tèc ®é t¨ng cña diÖn tÝch vµ s¶n l­­îng c©y cao su.

***\* Gi¶i thÝch:***

- Do nhu cÇu cña thÞ tr­­êng ( trong vµ ngoµi n­­íc)

- Do n­­íc ta cã nhiÒu ®iÒu kiÖn tù nhiªn thuËn lîi: ®Êt ®á bazan, khÝ hËu cËn xÝch ®¹o.

- ChÝnh s¸ch cña nhµ n­­íc: h×nh thµnh vïng chuyªn canh quy m« lín.

- Nguån lao ®éng dåi dµo, cã kinh nghiÖm.

**Bµi tËp 3**

Cho b¶ng sè liÖu vÒ ***T×nh tr¹ng viÖc lµm n¨m 1998***

***(§¬n vÞ: ngh×n ng­­êi)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | C¶ n­íc | N«ng th«n | Thµnh thÞ |
| Lùc l­îng lao ®éng | 37407,2 | 29756,6 | 7649,6 |
| Sè ng­êi thiÕu viÖc | 9418,4 | 8219,5 | 1198,9 |
| Sè ng­êi thÊt nghiÖp | 856,3 | 511,3 | 345,0 |
| Cã viÖc lµm th­êng xuyªn | 27440,3 | 21026,8 | 6416,2 |

1. H·y vÏ biÓu ®å thÓ hiÖn râ nhÊt mèi quan hÖ gi÷a lùc l­­îng lao ®éng ë n­­íc ta n¨m 1998?

2. NhËn xÐt vÒ hiÖn tr¹ng lao ®éng vµ viÖc lµm ë n­­íc ta?

**C¸c b­íc vÏ biÓu ®å:**

- KÎ hÖ trôc to¹ ®é (trôc tung thÓ hiÖn ngh×n ng­êi, trôc hoµnh thÓ hiÖn t×nh tr¹ng viÖc lµm).

- Chän tØ lÖ thÝch hîp (®é cao cña cét kh¸c nhau, nh­ng ®é réng cña cét b»ng nhau) vµ chän kho¶ng c¸ch phï hîp víi c¸c n¨m.

**L­u ý**: khi vÏ kÝ hiÖu chó gi¶i vµo biÓu ®å cét kh«ng ®­îc vÏ kÝ hiÖu ®­êng kÎ ngang hoÆc däc. V× lµm nh­ vËy kh«ng nhËn ra ®©u lµ ®é réng vµ ®é cao cña cét.



***2. NhËn xÐt:*** Qua b¶ng sè liÖu

+ N­­íc ta cã lùc l­­îng lao ®éng dåi dµo trªn 37 triÖu ng­­êi trong tæng d©n sè lµ 76,3 triÖu ng­­êi, chiÕm 49% d©n sè c¶ n­íc.( dÉn chøng)

+ Sè ng­êi thiÕu viÖc lµm so víi tæng sè lao ®éng cßn rÊt lín ( 9,4 triÖu ng­­êi: 25,2%), sè ng­­êi thÊt nghiÖp lµ 856,3 ngh×n ng­­êi chiÕm 2,3%

+ ë vïng n«ng th«n lùc l­­îng lao ®éng lín h¬n thµnh thÞ ( dÉn chøng: sè ng­­êi, %)

+ ë thµnh thÞ lùc l­­îng lao ®éng Ýt h¬n ( dÉn chøng: sè ng­­êi, %)

+ Sè ng­­êi cã viÖc lµm th­­êng xuyªn ë thµnh thÞ tØ lÖ ng­­êi cã viÖc lµm cao h¬n so víi n«ng th«n vµ cao h¬n so víi c¶ n­­íc ®¹t 79,8%.

**BUỔI 9. Ngày daỵ: 10/11/2021**

**2. BiÓu ®å ®­êng biÓu diÔn (®å thÞ)**

***a. Yªu cÇu :***ThÓ hiÖn tiÕn tr×nh ®éng th¸i ph¸t triÓn cña c¸c hiÖn t­­îng theo chuçi thêi gian

***b. C¸c d¹ng:***

- BiÓu ®å cã mét ®­­êng biÓu diÔn. ( vÝ dô tØ lÖ gia tăng d©n sè nhiÒu năm)

- BiÓu ®å cã tõ 2 ®­­êng biÓu diÔn trë lªn vµ cã cïng mét ®¬n vÞ. ( vÝ dô s¶n l­­îng: TriÖu tÊn, kg) hoÆc kh¸c ®¬n vÞ ( cã 2 hÖ trôc to¹ ®é )

- BiÓu ®å ®­­êng chØ sè ph¸t triÓn ( ph¶i tÝnh %, 3 - 5 ®­­êng biÓu diÔn)

***c. C¸ch vÏ:***

- B­­íc 1: Chän d¹ng biÓu ®å thÝch hîp.

- B­­íc 2: VÏ hÖ chôc to¹ ®é, l­­u ý kho¶ng c¸ch năm, chän tØ lÖ trªn trôc tung, ghi ®¬n vÞ trªn c¶ trôc tung vµ trôc hoµnh.

- B­­íc 3: VÏ ®­­êng biÓu diÔn, *mèc năm ®Çu tiªn biÓu hiÖn trªn trôc tung.*

- B­­íc 4: Ghi c¸c sè liÖu trªn biÓu ®å, cã kÝ hiÖu ®Ó ph©n biÖt, cã tªn biÓu ®å, b¶ng chó gi¶i.

- B­­íc 5: Hoµn chØnh nhËn xÐt, ph©n tÝch ( nÕu cã)

***d. Bµi tËp ¸p dông:***

**Bµi tËp 4**

Cho BSL sau: T×nh h×nh s¶n xuÊt cña mét sè s¶n phÈm CN cña n­­íc ta, giai ®o¹n 1998 – 2006.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **N¨m** | **§iÖn ( tØ kw/h)** | **Than ( triÖu tÊn)** | **Ph©n bãn ho¸ häc**  **( ngh×n tÊn)** |
| 1998 | 21,7 | 11,7 | 978 |
| 2000 | 26,7 | 11,6 | 1.210 |
| 2002 | 35,9 | 16,4 | 1.158 |
| 2004 | 46,2 | 27,3 | 1.714 |
| 2006 | 59,1 | 38,9 | 2.176 |

1. VÏ biÓu ®å thÝch hîp thÓ hiÖn tèc ®é tăng tr­­ëng c¸c s¶n phÈm CN n­­íc ta dùa vµo b¶ng sè liÖu trªn?

2. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch t×nh h×nh s¶n xuÊt 1 sè s¶n phÈm nªu trªn trong giai ®o¹n 1998 - 2006

**1. VÏ biÓu ®å: *a. Xö lÝ sè liÖu:  
Tèc ®é tăng tr­­ëng cña mét sè s¶n phÈm CN cña n­­íc ta ( %)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | ĐiÖn | Than | Ph©n bãn ho¸ häc |
| 1998 | 100 | 100 | 100 |
| 2000 | 123,0 | 99,1 | 123,7 |
| 2002 | 165,4 | 140,2 | 118,4 |
| 2004 | 212,9 | 233,3 | 175,3 |
| 2006 | 272,4 | 332,5 | 222,5 |

***b. VÏ biÓu ®å:***



**2. NhËn xÐt:**

- Trong thêi gian 1998 – 2006, mét sè s¶n phÈm CN nh×n chung lµ tăng, nh­­ng møc tăng tr­­ëng kh«ng ®Òu.

+ Than tăng 232,5 lÇn %, nguyªn nh©n do cã những ®æi míi trong viÖc tæ chøc qu¶n lÝ s¶n xuÊt cña ngµnh than ®ång thêi do nhu cÇu trong n­­íc thÞ tr­­êng xuÊt khÈu tăng nhanh.

+ ĐiÖn cã tèc ®é tăng tr­ëng nhanh vµ tăng liªn tôc qua c¸c năm 172,4 lÇn, nguyªn nh©n do vai trß quan träng cña ngµnh ®iÖn trong c«ng cuéc CNH, HĐH ®Êt n­­íc, chñ tr­­¬ng cña nhµ n­­íc, ®iÖn ph¶i ®i tr­­íc mét b­­íc ®Ó ®¸p øng nhu cÇu ngµy cµng tăng cña s¶n xuÊt vµ ®êi sèng. S¶n l­­îng ®iÖn tăng cßn g¾n liÒn víi viÖc chóng ta ®­­a mét sè nhµ m¸y cã c«ng suÊt lín vµo ho¹t ®éng nh­­ Phó MÜ, Ph¶ L¹i II, vµ mét sè nhµ m¸y thuû ®iÖn kh¸c.

+ Ph©n bãn tăng 122,5%, tuy cã gi¶m tõ năm 2000 – 2002, sau ®ã tăng kh¸ nhanh. Nguyªn nh©n lµ ®Ó phôc vô nhu cÇu cña s¶n xuÊt n«ng nghiÖp vµ h¹n chÕ nhËp khÈu ph©n bãn tõ bªn ngoµi./.

**BUỔI 10. Ngày dạy: 17/11/2021**

**Bµi tËp 5**

Cho BSL vÒ nhÞp ®é gia t¨ng d©n sè n­­íc ta d­­íi ®©y:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| N¨m | TØ xuÊt sinh  (%o) | TØ xuÊt tö  (%o) | Gia t¨ng tù nhiªn  (%) |
| 1960 | 46,0 | 12 |  |
| 1965 | 37,8 | 6,7 |  |
| 1970 | 34,6 | 6,6 |  |
| 1976 | 39,5 | 7,5 |  |
| 1979 | 32,5 | 7,2 |  |
| 1985 | 28,4 | 6,9 |  |
| 1989 | 31,3 | 8,4 |  |
| 1992 | 30,4 | 6,0 |  |
| 1999 | 28,5 | 6,7 |  |

1. *H·y tÝnh tèc ®é gia t¨ng d©n sè tù nhiªn ë n­­íc ta theo b¶ng sè liÖu trªn?.*
2. *H·y vÏ biÓu ®å thÝch hîp thÓ hiÖn tØ xuÊt sinh, tØ xuÊt tö vµ t×nh h×nh t¨ng d©n sè tù nhiªn ë n­­íc ta thêi k× 1960 – 2001?*
3. *Rót ra nhËn xÐt vµ gi¶i thÝch nguyªn nh©n dÉn tíi nhÞp ®iÖu t¨ng d©n sè ë*

*n­­íc ta?*

**H­íng dÉn gi¶i bµi tËp:**

***1. TÝnh tèc ®é gia t¨ng d©n sè tù nhiªn cña n­­íc ta tõ 1960 - 2001***

- C¸ch tÝnh tèc ®é gia t¨ng d©n sè tù nhiªn: (TØ suÊt sinh – TØ suÊt tö) : 10. Tõ c«ng thøc trªn ®· tÝnh ®­îc tèc ®é gia t¨ng d©n sè tù nhiªn (theo b¶ng sè liÖu d­íi ®©y).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| N¨m | TØ xuÊt sinh  (%o) | TØ xuÊt tö  (%o) | Gia t¨ng tù nhiªn  (%) |
| 1960 | 46,0 | 12 | 3,4 |
| 1965 | 37,8 | 6,7 | 3,1 |
| 1970 | 34,6 | 6,6 | 2,8 |
| 1976 | 39,5 | 7,5 | 3,2 |
| 1979 | 32,5 | 7,2 | 2,53 |
| 1985 | 28,4 | 6,9 | 2,15 |
| 1989 | 31,3 | 8,4 | 2,29 |
| 1992 | 30,4 | 6,0 | 2,44 |
| 1999 | 28,5 | 6,7 | 2,18 |
| 2001 | 19,9 | 5,6 | 1,43 |



***3. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch***:

\* NhËn xÐt:

- NhÞp ®é gia t¨ng d©n sè cã thÓ chia lµm 3 giai ®o¹n:

+ N¨m 1960 - 1976 gia t¨ng tù nhiªn TB cña n­­íc ta cßn cao trªn 3%. Cao nhÊt lµ 1960: 3,4%; thÊp nhÊt lµ n¨m 1970 ®¹t 2,8%.

+ N¨m 1979 - 1993: tuy cã gi¶m nh­­ng tØ lÖ vÉn cßn cao trªn 2%. Cao nhÊt lµ n¨m 1979 ®¹t 2,5% thÊp nhÊt lµ n¨m 1993 ®¹t 2,1%.

+ Tõ 1999 - 2001: Do kÕt qu¶ cña viÖc thùc hiÖn chÝnh s¸ch d©n sè kÕ hoach ho¸ gia ®×nh, tr×nh ®é nhËn thøc cña ng­­êi d©n ®­­îc n©ng cao, c«ng t¸c tuyªn truyÒn ®­­îc më réng. NÒn kinh tÕ dÇn t¨ng tr­­ëng vµ æn ®Þnh. V× vËy gia t¨ng tù nhiªn giai ®o¹n nµy ®· gi¶m, nh­­ng so víi thÕ giíi Tg n­­íc ta vÉn cao.

\* Gi¶i thÝch:

+ TØ lÖ gia t¨ng d©n sè liªn quan ®Õn tØ suÊt sinh vµ tØ suÊt tö. ë giai ®o¹n ®Çu gia t¨ng tù nhiªn t¨ng cao, tØ lÖ sinh cao, tØ lÖ tö thÊp.

+ HiÖn nay tØ lÖ tö vong cña trÎ s¬ sinh ®· gi¶m vµ tuæi thä TB cña ng­êi d©n tõng

b­­íc ®­­îc t¨ng lªn. Trong khi ®ã tØ suÊt sinh vÉn cßn cao.

+ Ngoµi ra cßn do t©m lÝ muèn sinh con trai, sè phô n÷ ë n­­íc ta ®ang ë ®é tuæi sinh ®Î cßn qu¸ lín. Ng­­êi d©n cã thùc hiÖn biÖn ph¸p kÕ hoÆch ho¸ gia ®×nh nh­­ng vÉn cßn cã nhiÒu hé sinh con thø 3.

**Bµi tËp 6**

Dùa vµo b¶ng sau, vÏ biÓu ®å ®­êng thÓ hiÖn tèc ®é t¨ng d©n sè, s¶n l­îng l­¬ng thùc vµ b×nh qu©n l­¬ng thùc theo ®Çu ng­êi ë ®ång b»ng S«ng Hång qua c¸c n¨m 1995 - 2002. §¬n vÞ (%)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **N¨m**  **Tiªu chÝ** | **1995** | **1998** | **2000** | **2002** |
| D©n sè | 100,0 | 103,5 | 105,6 | 108,2 |
| S¶n l­îng l­¬ng thùc | 100,0 | 111,7 | 128,6 | 131,1 |
| B×nh qu©n l­¬ng thùc theo ®Çu ng­êi | 100,0 | 113,8 | 121,8 | 121,2 |

**C¸c b­íc tiÕn hµnh:**

- KÎ hÖ trôc to¹ ®é vu«ng gãc. Trôc tung thÓ hiÖn %, trôc hoµnh thÓ hiÖn thêi gian (n¨m).

- X¸c ®Þnh tØ lÖ thÝch hîp nh­ : TØ lÖ % vµ kho¶ng c¸ch gi÷a c¸c n¨m. KÎ dãng c¸c ®­êng th¼ng song song víi trôc tung vµ x¸c ®Þnh c¸c ®iÓm mèc vµ nèi víi nhau b»ng mét ®­êng th¼ng ®Ó h×nh thµnh ®­êng biÓu diÔn.

**BiÓu ®å ®­êng thÓ hiÖn tèc ®é t¨ng d©n sè, s¶n l­îng l­¬ng thùc vµ b×nh qu©n l­¬ng thùc theo ®Çu ng­êi ë ®ång b»ng S«ng Hång qua c¸c n¨m 1995 - 2002.**

%

**0**

**110**

**120**

**130**

**100**

**1998**

2000

**2002**

**1995**

**N¨m**

**D©n sè**

**S¶n l­îng l­¬ng thùc**

**S¶n l­îng l­¬ng thùc**

**theo ®Çu ng­êi**

**\*L­u ý:** BiÓu ®å ®­êng th­êng thÓ hiÖn c¸c ®èi t­îng cã nhiÒu ®¬n vÞ tÝnh kh¸c nhau vµ diÔn ra trong nhiÒu n¨m trong phÇn chó gi¶i cã thÓ viÕt lu«n vµo biÓu ®å.

**3. BiÓu ®å trßn:**

*a. yªu cÇu :* ThÓ hiÖn c¬ cÊu thµnh phÇn trong mét tæng thÓ cña 3 năm hoÆc 3 vïng, ®ång thêi còng thÓ hiÖn quy m« cña ®èi t­­îng cÇn tr×nh bµy.

*b. C¸c d¹ng:*

- BiÓu ®å cã mét h×nh trßn

- BiÓu ®å cã tõ 2 -3 h×nh trßn cã b¸n kÝnh b»ng nhau hoÆc kh¸c nhau.

- BiÓu ®å cÆp 2 nöa h×nh trßn ( th­­êng thÓ hiÖn 2 ®èi t­­îng ®èi lËp nhau nh­­ xuÊt nhËp khÈu)

*c. C¸ch vÏ:*

- B­­íc 1: Xö lÝ sè liÖu ( nÕu b¶ng sè liÖu lµ gi¸ trÞ tuyÖt ®èi), quy ®æi tØ lÖ % ra ®é gãc cña h×nh qu¹t

- B­­íc 2: *TÝnh b¸n kÝnh* biÓu ®å khi cã gi¸ trÞ tuyÖt ®èi kh¸c nhau ( b¸n kÝnh biÓu ®å chÝnh lµ thÓ hiÖn quy m«)

- B­­íc 3: *VÏ* lÇn l­­ît tõng sè liÖu *theo ®óng thø tù sè liÖu xuÊt hiÖn trong b¶ng sè liÖu theo chiÒu kim ®ång hå.*

- B­­íc 4: Ghi c¸c sè liÖu vµo biÓu ®å cã kÌm theo ®¬n vÞ %, cã kÝ hiÖu ®Ó ph©n biÖt, cã tªn biÓu ®å, b¶ng chó gi¶i. L­­u ý d­­íi mçi biÓu ®å trßn cÇn ghi năm hoÆc vïng - miÒn, nÕu vÏ 2 – 3 biÒu ®å trßn th× t©m c¸c vßng trßn th¼ng hµng)

- B­­íc 5: Hoµn chØnh nhËn xÐt, ph©n tÝch ( nÕu cã)

*d. Bµi tËp ¸p dông:*

**Bµi tËp 7**

***Cho BSL sau: Gi¸ trÞ s¶n xuÊt cña ngµnh trång trät theo gi¸ so s¸nh 1994 ph©n theo nhãm c©y trång cña n­­íc ta***

***(****Đ****¬n vÞ: tØ ®ång)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***Tæng sè*** | ***Trong ®ã*** | | | |
| ***C©y LT*** | ***C©y CN*** | ***Rau ®Ëu*** | ***C©u kh¸c*** |
| ***1995*** | ***66183.4*** | ***42110.4*** | ***12149.4*** | ***4983.6*** | ***6940.0*** |
| ***2005*** | ***107897.6*** | ***63852.5*** | ***25585.7*** | ***8928.2*** | ***9531.2*** |

1. VÏ biÓu ®å thÝch hîp nhÊt thÓ hiÖn qui m« vµ c¬ cÊu gi¸ trÞ s¶n xuÊt cña ngµnh trång trät theo b¶ng sè liÖu trªn?

2. NhËn xÐt?

***1. VÏ biÓu ®å:  
a. Xö lÝ sè liÖu:  
C¬ cÊu gi¸ trÞ s¶n xuÊt cña ngµnh trång trät ph©n theo nhãm c©y trång***

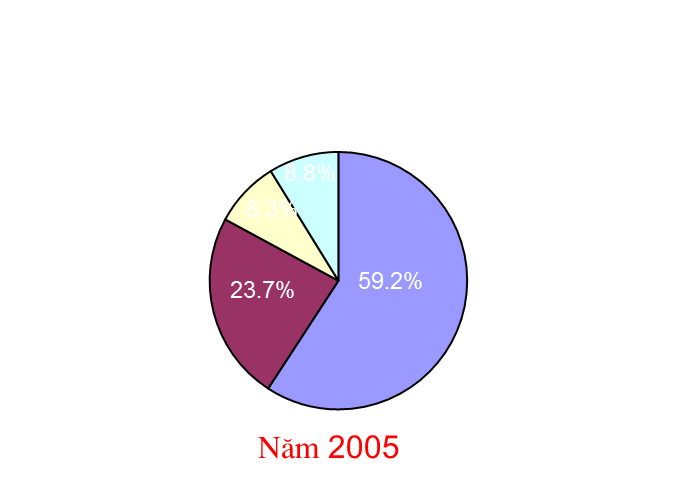
***( Đ¬n vÞ %)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tæng sè | Trong ®ã | | | |
| C©y LT | C©y CN | Rau ®Ëu | C©u kh¸c |
| 1995 | 100 | 63.6 | 18.4 | 7.5 | 10.5 |
| 2005 | 100 | 59.2 | 23.7 | 8.3 | 8.8 |

***So s¸nh quy m« vµ b¸n kÝnh biÓu ®å***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | So s¸nh quy m« gi¸ trÞ | So s¸nh b¸n kÝnh biÓu ®å |
| 1995 | 1.0 | 1.0 |
| 2005 | 1.6 | 1.3 |

***VÏ biÓu ®å:***



C©y LT

C©y LT

C©y CN

C©y CN

Rau ®Ëu

Rau ®Ëu

C©y kh¸c

C©y kh¸c

***2. NhËn xÐt***

- C¬ cÊu gi¸ trÞ s¶n xuÊt cña ngµnh trång trät năm 2005 cã sù thay ®æi so víi năm 1995.

+ TØ träng cña nhãm c©y CN vµ rau ®Ëu tăng ( dÉn chøng)

+ TØ träng cña nhãm c©y LT vµ c¸c lo¹i c©y kh¸c gi¶m ( dÉn chøng)

+ Tuy nhiªn nhãm c©y LT vÉn chiÕm tØ träng cao nhÊt ( dÉn chøng)./.

**CHUYÊN ĐỀ 4: LUYỆN ĐỀ**

**BUỔI 11. Ngày dạy: 24/11/2021**

**Câu 1. *Dựa vào Atlat địa lí VN xác định các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây và các tọa độ của nước ta:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Điểm cực*** | ***Địa danh hành chính*** | ***Vĩ độ*** | ***Kinh độ*** |
| Cực Bắc | xã Lũng Cú – huyện Đồng Văn – Tỉnh Hà Giang | 23o­­23’B | 1050 20’Đ |
| Cực Nam | xã Đất mũi – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau | 8034’B | 1040 40’Đ |
| Cực Tây | xã Sín Thầu – huyện Mường Nhé – tỉnh Điện Biên | 120 40’B | 1090 24’Đ |
| Cực Đông | xã Vạn Thạnh – huyện Vạn Ninh – tỉnh Khánh Hòa | 220 22’B | 1020 10’Đ |

***\*Lưu ý***

- Từ cực Bắc đến cực Nam lãnh thổ nước ta kéo dài khoảng 150 vĩ tuyến

- Từ cực Tây sang cực Đông lãnh thổ nước ta trải rộng khoảng 70 kinh tuyến

- Lãnh thổ nước ta nằm trong đới khí hậu nhiệt đới – kiểu nhiệt đới gió mùa

- Nước ta nằm trong múi giờ số 7 theo G.M.T

- Diện tích lãnh thổ nước ta: 331. 212 km

**Câu 2:** *Vị trí địa lí và hình dạng của lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc nước ta hiện nay?*

*-* Thuận lợi:

+ Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ làm cho thiên nhiên nước ta phân hoá đa dạng tạo điều kiện phát triển một nền kinh tế toàn diện

+ Hội nhập giao lưu với các nước trong và ngoài khu vực

- Khó khăn:

+ Giặc ngoại xâm thường xuyên dòm ngó.

+ Vùng có nhiều thiên tai:bão,lũ lụt,hạn hán…

**Câu 3:***Vùng biển nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó qua các tính chất của khí hậu biển?*

*-* Chế độ gió: gió trên biển mạnh hơn so với đất liền

+ Tháng 10 – tháng 4:gió mùa đông bắc lạnh khô, ít mưa.

+ Tháng 5 – tháng 9 : gió mùa tây nam nóng ẩm mưa nhiều.

- Chế độ mưa:lượng mưa trên biển ít hơn so với đất liền đạt từ 1100 – 1300 mm/năm

- Chế độ nhiệt : nhiệt độ trung bình của nước biển tầng mặt trên 23 0 C

**Câu 4:** *Biển nước ta đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với đời sống kinh tế và tự nhiên của nước ta?*

1. *Thuận lợi:*

Về tự nhiên: điều hoà khí hậu và tạo nhiều cảnh quan tự nhiên đẹp.

- Về kinh tế : Vùng biển nước ta nhiều tài nguyên khoáng sản thuận lợi cho sự phát triển nhiều ngành kinh tế:

+ khoáng sản có nhiều dầu khí, ti tan,muối thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến nguyên liệu, nhiên liệu.

+ Hải sản phong phú:cá,tôm,cua,rong biển…thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến thuỷ sản.

+ Mặt biển có các tuyến đường giao thông trong và ngoài nước thuận lợi phát triển giao thông hàng hải

+ nhiều phong cảnh đẹp,bãi tắm đẹp (Vịnh Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Mũi Né, nha Trang…)thuận lợi phát triển ngành du lịch biển

1. *Khó khăn:*

- Nguồn lợi thuỷ sản có chiều hướng giảm sút

- Môi trường một số vùng biển ven bờ bị ô nhiễm

- Thiên tai thường xuyên xảy ra

**BUỔI 12: Ngày dạy: 1/12/2021**

**Câu 5:** *Nêu ý nghĩa của giai đoạn tân Kiến Tạo đối với sự phát triển lãnh thổ nước ta hiện nay ? Một số trận động đất xảy ra gần đây ở Lai Châu, Điện Biên… điều đó chứng tỏ điều gì?*

1. *Ý nghĩa của giai đoạn Tân Kiến Tạo:*

Đây là giai đoạn rất ngắn nhưng có ý nghĩa rất quan trọng đối với nước ta:

- Quá trình nâng cao địa hình làm cho sông ngòi trẻ lại và hoạt động mạnh mẽ. đồi núi cổ được nâng cao và mở rộng

- Quá trình mở rộng Biển Đông và tạo các bể dầu khí ở thềm lục địa và đồng bằng châu thổ (đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long)

- Quá trình hình thành các cao nguyên badan và đồng bằng phù sa trẻ

- Quá trình tiến hoá của giới sinh vật

1. *Một số trận động đất xảy ra gần đây ở Điện Biên, Lai Châu chứng tỏ rằng giai đoạn Tân Kiến Tạo vẫn còn đang diễn ra*.

**Câu 6:** *Nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta?*

- Quản lí tài nguyên lỏng lẻo,khai thác bừa bãi.

- Kĩ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải

- Thăm dò , đánh giá không chính xác về hàm lượng, trữ lượng làm cho việc khai thác khó khăn, đầu tư lãng phí.

**Câu 7***: Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta?*

- Đồi núi là bộ phận quan trọng trong cấu trúc địa hình nước ta.

- Địa hình nước ta được Tân kiến Tạo nâng lên mạnh mẽ và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu sự tác động mạnh mẽ của con người

**Câu 8:** *Địa hình nước ta chia thành mấy khu vực ? Đó là những khu vực nào?*

Ba khu vực:

- Khu vực đồi núi.

- Khu vực đồng bằng.

- Bờ biển và thềm lục địa.

**Câu 9:** *Hãy so sánh địa hình của hai vùng Đồng Bằng Sông Hồng và Đồng Bằng Sông Cửu Long?*

Đồng Bằng Sông Hồng Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Nhiều ô trũng, thấp hơn mực nước sông 3-7 m - Cao hơn mực nước biển 2-3 m

- Hệ thống đê lớn dài 2700 km - Không có đê lớn bị ngập lũ hang năm

- Đắp đê ngăn lũ vững chắc - Sống chung với lũ cải tạo đất

**Câu 10:** *Đặc điểm chung của khí hậu nước ta là gì? Nét độc đáo của khí hậu nước ta thể hiện ỏ những mặt nào?*

* Đặc điểm chung của khí hậu nước ta:

+ Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm

+ Tính chất đa dạng và thất thường.

* Nét độc đáo của khí hậu nước ta là :

+ Có lượng mưa lứon theo mùa và trong nămở miền bắc xcó mùa Đông lạnh (từ vĩ tuyến 180B trở ra)

+ Chế độ gió mùa, độ cao và hướng một số dãy núi lớn đã làm cho thời tiết , khí hậu nước ta đa dạng và thất thường.

**Câu 11:** *Nước ta có mấy miền khí hậu? Nêu đặc điểm chung của từng miền?*

\* Nước ta có bốn miền khí hậu

\* Đặc điểm chung:

- Miền khí hậu phía Bắc: Từ dãy Hoành Sơn (vĩ tuyến 180B ) trở ra: có mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng ẩm,mưa nhiều.

- Miền khí hậu Đông Trường Sơn:Từ dãy Hoành Sơn (VT 180 B) trở vào mũi Dinh(VT 110 B).Có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

- Miền khí hậu Biển Đông: Nằm ở vùng biển nước ta, mang tính chất nhioệt đới gió mùa hải dương*.*

**Câu 12:** *Trong gió mùa đông bắc thời tiết , khí hậu Bắc Bộ, Trung bộ và Nam Bộ có giống nhau không? Vì sao?*

a) Trong gió mùa đông bắc thời tiết , khí hậu Bắc Bộ, Trung bộ và Nam Bộ khác nhau

- Bắc Bộ: Thời tiết lạnh khô vào đầu mùa, lạnh ẩm vào cuối mùa .

- Bắc Trung Bộ lạnh vừa,ít có mưa phùn; Trung, Nam Trung Bộ nóng, mưa nhiều vào đầu mùa đông

- Nam Bộ thời tiết nóng khô, ổn định suốt mùa .

b) Nguyên nhân sự khác nhau:

- Gió mùa đông lạnh (hướng Đông Bắc) chỉ ảnh hưởng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

- Gió Đông Bắc ( tín phong) ảnh hưởng tới Trung, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**BUỔI 13.** Ngày dạy : 8/12/2021

**ĐỀ 1**

**Câu 1**: *( 4,5 điểm)*

1. Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất sinh ra những hệ quả gì?
2. Lớp vỏ Trái Đất có cấu tạo như thế nào, vai trò của lớp vỏ Trái Đất?
3. Lớp vỏ khí gồm mấy tầng? Nêu đặc điểm chính của từng tầng?

**Câu 2**: *(1,5 điểm)*

Biển và đại dương có mấy sự vận động? Trình bày đặc điểm và nguyên nhân sinh ra những vận động đó?

**Câu 3:** *( 4 điểm)*

Hãy nêu những đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí nước ta? Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế -xã hội nước ta? Tại sao nói “Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam”?

**Câu 4**: *(1 điểm)*

Vùng biển nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó thông qua các yếu tố khí hậu biển?

**Câu 5:** *(5 điểm)*Dựa vào Átlát địa lí Việt Nam kết hợp với kiến thức đã học hãy trình bày:

a. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của khí hậu nước ta?

b. Ảnh hưởng của khí hậu đối với việc phát triển nông nghiệp của nước ta ntn?

c. So sánh khu vực địa hình Vùng núi Trường Sơn Bắc với Vùng núi Trường Sơn Nam?

**Câu 6:***(4 điểm)*

Dựa vào bảng lượng mưa và lượng dòng chảy tại lưu vực sông sau đây:

***Lưu vực sông Hồng ( Trạm Sơn Tây)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Lượng**  **mưa (mm)** | 19,5 | 25,6 | 34,5 | 104,2 | 222 | 262,8 | 315,7 | 335,2 | 271,9 | 170,1 | 59,9 | 17,8 |
| **Lưu**  **lượng**  **(m3/s)** | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy trên lưu vực sông Hồng?

b. Nhận xét về mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ ?

----------------**HẾT-**----------------

*Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.(Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam*

**HƯỚNG DẪN CHẤM- BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(4,5 điểm)** | **a) Hệ quả sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.**  **- Hiện tượng ngày đêm:**  + Nhờ có sự vận động tự quay của trái đất từ tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.  + Diện tích được Mặt Trời chiếu sáng gọi là ngày. Nửa nằm trong bóng tối là đêm  - **Sự lệch hướng do vận động tự quay của Trái Đất.**  **+** Nếu nhìn xuôi theo chiều chuyển động, thì nửa cầu Bắc, vật chuyển động sẽ lệch về bên phải, còn nửa cầu Nam lệch về bên trái.  **b) Cấu tạo và vai trò của vỏ Trái Đất**  - Vỏ Trái Đất là lớp đá rắn chắc ở ngoài cùng Trái Đất, được cấu tạo bởi các địa mảng nằm kề nhau.  - Vai trò:  + Là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên....,  + Là nơi sinh sống, hoạt động của xã hội loài người.  **c) Lớp vỏ khí**  - Lớp vỏ khí gồm 3 tầng.  \* Tầng đối lưu:  + Nằm sát mặt đất, tới độ cao khoảng 16 km (0 ->16 km)  + Không khí chuyển động theo chiều thẳng đứng.  + Nhiệt độ giảm dần khi lên cao (Trung bình cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm 0,60C )  + Là nơi sinh ra tất cả các hiện tượng khí tượng.  \* Tầng bình lưu:  + Nằm trên tầng đối lưu, tới độ cao khoảng 80 km ( 16 -> 80 km)  + Có lớp ôdôn, lớp nàycó tác dụng ngăn cản những tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.  \* Các tầng cao: Nằm trên tầng bình lưu (Trên 80km), không khí của các tầng này cực loãng, có hiện tượng sao băng và cực quang (Không có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của con người). | **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5** |
| **Câu 2 (1,5 điểm)** | - Biển và đại dương có 3 sự vận động .  + Sóng biển: Là hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.  Nguyên nhân sinh ra sóng biển chủ yếu là do gió. Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần.  + Thủy triều: Là hiện tượng nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc lại rút xuống, lùi tít ra xa.  Nguyên nhân sinh ra thủy triều là do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.  + Dòng biển (Hải lưu): Là hiện tượng chuyển động của lớp nước biển trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương.  Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như Tín phong, gió Tây ôn đới… | **0,5**  **0,5**  **0,5** |
| **Câu 3**  **(2,5 điểm)** | **\* Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí**  - Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa.  - Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.  - Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.  - Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.  **\* Ý nghĩa**  **- Thuận lợi:**  + Trong vùng nhiệt đới gió mùa được biển Đông cung cấp hơi ẩm làm cho thiên nhiên nóng ẩm khác hẳn với các nước khác cùng vĩ độ. Tính chất này thể hiện ở tất cả các thành phố tự nhiên: khí hậu, đất... Gió mùa làm cho miền Bắc có mùa đông lạnh, bên cạnh các loài cây nhiệt đới còn có các loại cây cận nhiệt ôn đới.  + Ở nơi gặp gỡ các của luồng sinh vật làm cho thiên nhiên Việt Nam thêm phong phú, đa dạng.  + Do vị trí trung tâm Đông nam Á, Việt Nam dễ dàng quan hệ kinh tế với nhiều nước trên thế giới bằng nhiều loại đường: thủy, hàng không...  + Vùng biển giàu tiềm năng cho phép phát triển nhiều ngành kinh tế biển.Nằm trong khu vực phát triển năng động, Việt Nam có điều kiện thuân lợi trong việc học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế, thu hút vốn đầu tư, công nghệ tiên tiến, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực.  **- Khó khăn:**  + Nằm trong vùng có nhiều thiên tai ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.  + Biên giới đất liền và biển kéo dài, khó khăn cho an ninh, quốc phòng.  **\* “Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam” là vì:**  - Đồi núi chiểm 3/4 diện tích lãnh thổ, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, địa hình thấp dưới 1000m chiếm tới 85%, núi cao trên 2000m chiếm 1% (cao nhất là dãy Hoàng Liên sơn với đỉnh Phan xi păng cao 3143m)  - Đồi núi nước ta tạo thành một cánh cung lớn, hướng ra biển đông, chạy dài 1400km, từ miền Tây Bắc tới miền Đông Nam Bộ, nhiều vùng núi lan sát ra biển hoặc bị nhấn chìm thành các quần đảo.  - Địa hình đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích lãnh thổ đất liền và bị  đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực, điển hình là giải đồng bằng duyên hải miền Trung nước ta. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,5**  **0,5** |
| **Câu 4**  **(1 điểm)** | **Các yếu tố khí hậu của biển**  - Chế độ nhiệt: Trung bình 230C, mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn trong đất liền, biên độ nhiệt trong năm nhỏ.  - Chế độ gió:  + Gió hướng Đông Bắc chiếm ưu thế trong 7 tháng từ tháng 10 đến tháng 4  **+** Gió hướng Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 9. Riêng vịnh Bắc Bộ chủ yếu gió hướng Nam  Gió tên biển mạnh hơn trên đất liền, trung bình 5-6m/s cực đại tứi 50m/s  Dông trên biển thường phát triển về đêm và sáng  - Chế độ mưa: Lượng mưa trên biển nhiều hơn trên đất liền. Lượng mưa TB 1100- 1300mm. Sương mù thường hay xuất hiện vào cuối hạ đầu đông | **0,25**  **0,5**  **0,25** |
| **Câu 5**  **(5 điểm)** | **a) Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.**  - Nước ta có một nguồn nhiệt năng to lớn. Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được trên một triệu kilôcalo, số giờ nắng đạt 1400 - 3000 giờ trong một năm.  - Nhiệt độ trung bình năm là trên 210C và tăng dần từ Bắc vào Nam.  - Khí hậu nước ta chia thành hai mùa rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió. Mùa đông lạnh và khô với gió mùa đông bắc mùa hạ nóng ẩm với gió mùa tây nam.  - Gió mùa mang đến cho nước ta một lượng mưa lớn 1500 mm - 2000 mm/năm.  - Một số nơi lượng mưa hàng năm rất cao như: Hà Giang 4802 mm, Lao Cai 3552 mm....  - Độ ẩm không khí cao trên 80%.  **b) Ảnh hưởng của khì hậu đối với việc phát triển nông nghiệp ở nước ta.**  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa tạo điều kiện thuận lợi cho sinh vật nhiệt đới phát triển quanh năm, cây cối ra hoa kết quả.....  - Sự phân hóa đa dạng của khí hậu tạo điều kiện để tăng vụ, xen canh, đa canh góp phần đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.  \* Khó khăn:  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa thuận lợi cho sâu bệnh, nấm mốc phát triển....  - Có nhiều thiên tai: lũ lụt hạn hán, sương muối, sương giá, xói mòn đất...  **c) So sánh khu vực địa hình**   |  |  | | --- | --- | | **Vùng núi Trường Sơn Bắc** | **Vùng núi Trường Sơn Nam** | | - Từ phía Nam sông Cả  dãy Bạch Mã.  - Vùng núi thấp, có 2 sườn không đối xứng.  - Cao nhất là đỉnh Pu lai leng 2711m, rào cỏ 2235m.  - Hướng núi: Tây Bắc - Đông Nam.  - Khối núi đá vôi Kẻ Bàng nổi tiếng cao 600 - 800m, vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng đc xếp hạng di sản thiên nhiên TG. | - Từ phía Nam Bạch Mã  Đ.N.Bộ.  - Vùng đồi núi và cao nguyên hùng vĩ.  - Cao nhất vùng: Đỉnh Ngọc Linh 2598m, Chư Yang Sin 2405m.  - Vùng cao nguyên đất đỏ rộng lớn, xếp tầng thành cánh cung có bề lồi hướng ra biển.  - Cao nguyên Lang Bi ang, thành phố Đà Lạt đẹp nổi tiếng, khu du lịch nghỉ mát tốt nhất. | | **0,5**  **0,25**  **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **2** |
| *a. Vẽ biểu đồ phân bố lượng mưa và lưu lượng dòng chảy*  **-** Biểu đồ kết hợp:  + Biểu đồ cột: thể hiện lượng mưa  + Biểu đồ đường: Thể hiện lưu lượng  - Yêu cầu vẽ chính xác, đảm bảo tính thẩm mĩ, thể hiện rõ các đại lượng, có tên biểu đồ, chú giải cho các yếu tố thể hiện trên biểu đồ.  *c. Nhận xét về mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ*  - Mùa lũ và mùa mưa trên lưư vực sông Hồng không hoàn toàn trùng khớp với nhau.  - Vì ngoài mưa còn có các nhân tố khác tham gia làm biến đổi dòng chảy tự nhiên như: Độ che phủ rừng, hệ số thấm của đất đá......  *( Lưu ý: Mỗi nội dung thiếu hoặc sai trừ 0,25 điểm)* |
| **Câu 6**  **(4 điểm)** | **3**  **0,5**  **0,5** |

Ngày 10/12/2021

Có đủ bài soạn bồi dưỡng , khớp kế hoạch

TTCM

Lý Thị Xuân

BUỔI 14 : ĐỀ 2. Ngày dạy : 15/12/1021

**Câu 1 (3,5 điểm):**

a. Vào các ngày 21-3; 22-6; 23-9; 22-12 hằng năm, Mặt Trời chiếu thẳng góc với bề mặt Trái Đất ở vĩ độ nào? Giải thích nguyên nhân của hiện tượng và cho biết tên gọi của những ngày đó.

b. Giải thích tại sao ngày hạ chí (22/6) chưa phải là ngày nóng nhất trong năm ở nửa cầu Bắc ?

**Câu 2 (2,5 điểm):**

a. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào? Ranh giới giữa các vành đai nhiệt và các đới khí hậu có trùng khớp nhau không? Vì sao?

b. Phân tích sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí. Tại sao ở bán cầu Bắc nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở khu vực chí tuyến chứ không phải ở khu vực xích đạo?

**Câu 3 (2 điểm):**

Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho việc phát triển kinh tế - xã hội?

**Câu 4 (6 điểm):** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam, em hãy:

a. Kể tên và trình bày sự phân bố nguồn tài nguyên khoáng sản ở phía Bắc nước ta.

b. Kể tên một số quần đảo, vịnh biển lớn của nước ta và phân tích giá trị kinh tế của vùng biển nước ta.

c. Phân tích những đặc điểm cơ bản của khí hậu nước ta.

**Câu 5 (2 điểm):** Dựa vào Átlat Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích đặc điểm địa hình khu vực đồi núi nước ta. Những đặc điểm đó có ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống như thế nào?

**Câu 6** (**4 điểm)**: Căn cứ vào bảng số liệu sau:

**Bình quân GDP đầu người của một số nước ở Châu Á năm 2019.**

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Cô - oét** | **Hàn Quốc** | **Trung Quốc** | **Lào** |
| **GDP/người** | 19 040 | 8 861 | 911 | 317 |

*(Nguồn: Trang 22 SGK Địa lí 8, NXB giáo dục)*

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện mức thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) của một số nước ở Châu Á.

b. Từ biểu đồ đã vẽ, rút ra nhận xét và giải thích.

**--- Hết ---**

*Họ và tên thí sinh:....................................................Số báo danh:......................*

*(Thí sinh được sử dụng Atlat địa lý Việt Nam trong quá trình làm bài)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **NĂM HỌC 2021 – 2022** | |
|  | | **Môn thi: Địa lí**  (Đáp án này có 4 trang) | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(3,5 điểm)** | **a)**  - Ngày 21-3: Mặt Trời chiếu thẳng góc xuống xích đạo (vĩ độ 00)  - Ngày 22-6: Mặt Trời chiếu thẳng góc xuống chí tuyến Bắc (vĩ độ 23027’B)  - Ngày 23-9: Mặt Trời chiếu thẳng góc xuống xích đạo (vĩ độ 00)  - Ngày 22-12: Mặt Trời chiếu thẳng góc xuống chí tuyến Nam (vĩ độ 23027’N)  **Nguyên nhân:** Trái Đất có hình cầu, trong quá trình chuyển động xung quanh Mặt Trời đồng thời cũng tự quay quanh trục (tưởng tượng) với một góc nghiêng không đổi 66033’ trên mặt phẳng quỹ đạo. Do vậy bán cầu Bắc và Bán cầu Nam lần lượt ngả về phía Mặt Trời. Ánh sáng Mặt Trời lần lượt chiếu vuông góc xuống các địa điểm trong khu vực nội chí tuyến.  Tên gọi các ngày trên:  + Ngày 21-3: Xuân phân  + Ngày 22-6: Hạ chí  + Ngày 23-9: Thu phân  + Ngày 22-12: Đông chí | *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,5*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **b) Ngày hạ chí (22/6) chưa phải là ngày nóng nhất trong năm ở nửa cầu Bắc**  - Ánh sáng mặt trời khi chiếu xuống mặt đất phải đi qua lớp khí quyển. Không khí chỉ hấp thụ được một lượng nhiệt nhỏ. Mặt đất hấp thụ phần lớn lượng nhiệt của ánh sáng mặt trời rồi bức xạ nhiệt vào không khí mới làm không khí nóng lên  - Nên mặt đất cần một thời gian để tích được một lượng nhiệt lớn nhất từ Mặt trời thì nó mới có khả năng bức xạ một lượng nhiệt lớn nhất ra không gian.  - Chính vì vậy sau ngày hạ chí, ở Bắc bán cầu thời kỳ nóng nhất trong năm phải vào vài tuần sau ngày hạ chí | 0,5  0,25  0,25 |
| **2**  **(2,5 điểm)** | a.  - Trên Trái Đất có 5 đới khí hậu:  + Đới nóng (hay nhiệt đới)  + Hai đới ôn hòa (hay ôn đới)  + Hai đới lạnh (hay hàn đới)  - Ranh giới giữa các vành đai nhiệt và các đới khí hậu rất phức tạp, không hoàn toàn trùng khớp với ranh giới của các vành đai nhiệt.  - Nguyên nhân:  + Do đặc điểm phân bố lục địa và đại dương trên bề mặt Trái Đất  + Do hoàn lưu khí quyển  + Đặc điểm cấu tạo, địa hình bề mặt đệm | 0,5  0,25  0,5 |
| **b. Phân tích sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí:**  **-** Càng lên vĩ độ cao, nhiệt độ trung bình năm càng nhỏ. Nguyên nhân là do càng lên vĩ độ cao góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng nhỏ.  - Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt năm càng lớn. Nguyên nhân là càng lên vĩ độ cao chênh lệch góc chiếu sáng và chênh lệch thời gian chiếu sáng càng lớn.  **\* Ở bán cầu Bắc nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở khu vực chí tuyến chứ không phải ở khu vực xích đạo vì:**  - Ở khu vực xích đạo chủ yếu là đại dương, phần lục địa chủ yếu là rừng.  - Khu vực chí tuyến:  + Diện tích lục địa lớn (hoang mạc Xa-ha-ra).  + Áp cao chí tuyến thống trị (gió mậu dịch hoạt động thổi từ lục địa ra nên tính chất khô, nóng). | 0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **3**  **(2 điểm)** | Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ Việt Nam tạo những thuận lợi và khó khăn:  **\* Thuận lợi:**  - Động thực vật phong phú do vị trí giao lưu các luồng sinh vật  - Mở rộng giao lưu với các nước trên thế giới bằng đường biển, đường bộ và đường hàng không  - Cây trồng phát triển quanh năm do có khí hậu nhiệt đới gió mùa.  - Miền Bắc và vùng núi có mùa đông lạnh nên sản suất các cận nhiệt và ôn đới (hoặc các loại rau quả xứ lạnh).  **\* Khó khăn:**  - Lãnh thổ kéo dài, nhiều sông suối nên giao thông gặp nhiều khó khăn, cần đầu tư xây dựng đường xá, cầu cống.  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa mưa thường có bão gây lũ lụt...., mùa đông ở các tỉnh miền núi phía bắc có giá lạnh (sương muối...). | 0.25  0.25  0,25  0,25  0,5  0,5 |
| **4**  **(6 điểm)** | a. Kể tên và sự phân bố nguồn tài nguyên khoáng sản:  - Than: Quảng Ninh, Thái nguyên, Lạng Sơn  - Sắt: Lào Cai, Thái Nguyên, Hà Giang...  - Apatit: Lào Cai.  - Man gan: Cao Bằng.  - Bô-xít: Lạng Sơn, Cao Bằng...  - Đất hiếm: Lai Châu.  - Đá vôi: Ninh Bình, Hà Giang, Sơn La...  - Đồng: Lào Cai, Sơn La...  *(Kể tên và sự phân bố của 8 loại khoáng sản, có thể kể một số loại khoáng sản khác vẫn có điểm)*  b) Kể tên các quần đảo, vịnh biển lớn  - Quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa.  - Vịnh biển: Hạ Long, Xuân Đài, Quy Nhơn, Vân Phong, Cam Ranh, Nha Trang.  *(Kể đúng từ 4 vịnh trở lên mới cho điểm)*  \* Giá trị kinh tế:  - Giá trị về khai thác, nuôi trồng thủy hải sản;  - Giá trị về du lịch biển;  - Giá trị về giao thông vận tải biển, khai thác khoáng sản thềm lục địa  - Giá trị về khai thác khoáng sản biển: dầu mỏ, khí đốt, muối...  c. Đặc điểm khí hậu nước ta:  + Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:  - Số giờ nắng nhiều, lượng bức xạ MT lớn nên nền nhiệt rất cao, nhiệt độ TB năm trên 200C.  - Do tiếp giáp biển Đông và nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á (gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông) nên có 2 mùa trái ngược nhau: mùa hạ nóng, mưa nhiều, mùa khô lạnh, ít mưa.  - Lượng mưa cao (TBn 1500 - 2000mm), độ ẩm lớn (độ ẩm tương đối 85 - 90%).  + Tính đa dạng và thất thường:  - Phân hoá theo không gian: từ bắc xuống nam, từ tây sang đông và theo độ cao.  - Thất thường: năm rét sớm, năm rét muộn, năm rét nhiều, năm rét ít, có năm mưa nhiều, có năm khô hạn, các hiện tượng băng giá, sương muối, bão lụt, hạn hán... | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  1  1 |
| **5**  **(2 điểm)** | - Đặc điểm địa hình khu vực đồi núi nước ta:  \* Vùng núi Đông Bắc: Vị trí: tả ngạn sông Hồng. Đặc điểm: chủ yếu là đồi núi thấp, có những cánh cung núi lớn, vùng đồi rộng, chủ yếu là núi đá vôi.  \* Vùng núi Tây Bắc: Vị trí: Giữa sông Hồng và sông Cả. Đặc điểm: núi cao đồ sộ, có các sơn nguyên, ĐB nhỏ giữa núi, hướng chính là TB-ĐN, chủ yếu là núi đá vôi.  \* Vùng núi Trường Sơn Bắc: Vị trí: Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. Đặc điểm: Các núi thấp, hai sườn không cân xứng, có các nhánh đâm ngang ra biển, hướng chính là TB-ĐN.  \* Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam: Vị trí: Từ dãy Bạch Mã vào phía nam. Đặc điểm: Có các đồi, núi và cao nguyên xếp tầng, hướng núi: Bắc - Nam và ĐB-TN. Đất đỏ ba-dan ở cao nguyên.  - Ảnh hư­ởng đến sản xuất và đời sống:  + Thuận lợi: tạo ra sự đa dạng về tự nhiên; thế mạnh về rừng, khoáng sản, cây công nghiệp lâu năm, nhiều cảnh quan đẹp ...  + Khó khăn: trong GTVT; làm tăng c­ường ảnh hư­ởng của gió mùa ĐB; gây hiệu ứng phơn, xói mòn rửa trôi, lũ quét ở những nơi có độ dốc lớn... | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5 |
| **6**  **(4 điểm)** | **a. Vẽ biểu đồ:** Biểu đồ cột đơn  + Trục tung: GDP/người  + Trục hoành: Quốc gia (Các nước)  + Có tên biểu đồ, có chú thích  Yêu cầu: vẽ đủ các cột, chính xác, đẹp, ghi chú đầy đủ, có tên biểu đồ, có chú thích. (*mỗi thông tin thiếu trừ 0,25 điểm*) | 2 |
| **b. Nhận xét, giải thích:**  \* Nhận xét:  - Thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) giữa các nước không đồng đều.  - Cô-oét là nước có GDP/người cao nhất, sau đến Hàn Quốc,Trung Quốc và thấp nhất là Lào.  *(Số liệu minh chứng)*  \* Giải thích:  - Cô- oét: do có nguồn dầu khí phong phú được nhiều nước công nghiệp đầu tư, khai thác 🡪 trở thành nước có thu nhập bình quân đầu người cao.  - Hàn Quốc: là nước công nghiệp mới, có mức độ công nghiệp hóa khá cao và nhanh.  - Trung Quốc: tập trung phát triển dịch vụ và công nghiệp chế biến để xuất khẩu 🡪 tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.  - Lào: là nước đang phát triển, nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. | 0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Tổng** |  | **20** |

**BUỔI 15. ĐỀ 3 Ngày dạy: 22/12/2021**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1 (3,0 điểm)**:

a). Theo quy ước, đường chuyển ngày quốc tế nằm trên kinh tuyến nào? Múi giờ thứ bao nhiêu? Khi đi từ Ca-li-phooc-nia (Hoa Kỳ) đến Hà Nội (Việt Nam); đi từ Băng Cốc (Thái Lan) đến Bra-xin qua đường chuyển ngày quốc tế cần lấy lại ngày trên đồng hồ tăng thêm hay giảm đi 1 ngày lịch? Vì sao?

b). Trình bày hiện tượng động đất, núi lửa và tác hại của chúng? Núi lửa đã gây ra nhiều tác hại cho con người nhưng tại sao quanh các núi lửa vẫn còn dân cư sinh sống?

**Câu 2 (3,0 điểm):**

a).Vì sao không khí có độ ẩm? Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng như thế nào tới khả năng chứa hơi nước của không khí?

b). Thế nào là hệ thống sông, lưu vực sông? Cho biết lợi ích và tác hại của sông ngòi đối với đời sống con người trên Trái Đất?

**Câu 3 (3,0 điểm):**

a). Trình bày đặc điểm nổi bật của vị trí địa lý Việt Nam về mặt tự nhiên?

b). Dựa vào Át lát Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy cho biết: Diện tích, giới hạn của vùng biển nước ta? Tại sao việc giữ vững chủ quyền một hòn đảo, dù nhỏ, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng?

**Câu 4 (2,0 điểm):** Tại sao nói đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam?

**Câu 5 (5 điểm):** Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và kiến thức đã học hãy chứng minh rằng:

a).Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng? Giải thích nguyên nhân?

b).Nguyên nhân gây mưa chủ yếu ở nước ta là do địa hình và hoàn lưu khí quyển?

**Câu 6 (4,0 điểm): Cho bảng số liệu sau:**

**Diện tích và sản lượng lúa của Ấn Độ giai đoạn 1990 - 2011**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2000 | 2005 | 2008 | 2011 |
| Diện tích  *(nghìn ha)* | 42687 | 44712 | 43660 | 45537 | 43970 |
| Sản lượng lúa *(nghìn tấn)* | 111517 | 127465 | 137690 | 148036 | 157900 |

a). Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất và sản lượng lúa của Ấn Độ giai đoạn 1990-2011?

b). Nhận xét và giải thích nguyên nhân?

------------Hết-------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam để làm bài .*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM THI HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÝ LỚP 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **KIẾN THỨC, YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Thang điểm** |
| **Câu 1**  ***(3 điểm)*** | 1. *.*   - Theo quy ước, đường chuyển ngày quốc tế nằm trên kinh tuyến 1800, thuộc múi giờ thứ 12.  - Khi đi từ Ca-li-phooc-nia (Hoa Kỳ) qua đường chuyển ngày quốc tế đến Hà Nội (Việt Nam) cần lấy lại ngày trên đồng hồ tăng thêm một ngày lịch; đi từ BăngCốc (Thái Lan) đến Bra-xin lại giảm đi một ngày lịch.  - Vì theo quy ước, nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 1800 thì lùi lại một ngày lịch, còn đi từ phía đông sang phía tây qua kinh tuyến 180o thì tăng thêm một ngày lịch. | **1,5**  *0,5*  *0,5*  *0,5* |
| b)  - Núi lửa là hình thức phun trào mác ma ở dưới sâu lên mặt đất.  - Tác hại của núi lửa: tro bụi và dung nham của núi lửa có thể vùi lấp các thành thị, làng mạc, ruộng nương, gây ô nhiễm môi trường...  - Động đất là hiện tượng xảy ra đột ngột từ một điểm ở dưới sâu lòng đất làm cho các lớp đất đá ở gần mặt đất bị dung chuyển.  - Tác hại của động đất: phá hủy nhà cửa, đường sá, cầu cống, gây chết người...  \* Núi lửa đã gây ra nhiều tác hại cho con người, nhưng quanh các núi lửa vẫn còn dân cư sinh sống vì: khi núi lửa phun trào sẽ phun ra các dung nham, sau khi bị phân hủy nó sẽ tạo thành một loại đất đỏ rất phì nhiêu, thuận lợi cho việc trồng các cây công nghiệp… | **1,5**  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,5* |
| **Câu**  **2**  ***(3đ)*** | *a).*  - Không khí có độ ẩm vì không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định lượng hơi nước đó làm cho không khí có độ ẩm.  - Nhiệt độ ảnh hưởng đến khả năng chứa hơi nước của không khí, nhiệt độ không khí càng cao, lượng hơi nước chứa được càng nhiều (độ ẩm càng nhiều) | **1**  *0,5*  *0,5* |
| *b)*  - Lưu vực sông là vùng đất đai cung cấp nước thường xuyên cho một con sông.  - Hệ thống sông:dòng sông chính cùng với các phụ lưu, chi lưu hợp lại với nhau tạo thành hệ thống sông.  - Lợi ích của sông ngòi: Giao thông đường sông, thủy lợi (nước tưới tiêu, nước sinh hoạt), nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch, thủy điện, bồi đắp phù sa cho đồng bằng...  - Tác hại của sông ngòi: Lũ lụt, phá hoại hoa màu, gây ảnh hưởng đến cuộc sống, sức khỏe của con người... | **2**  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5* |
| **Câu 3**  ***(3 điểm)*** | *a). Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lý Việt Nam về mặt tự nhiên*  - Vị trí nội chí tuyến  - Vị trí gần trung tâm Đông Nam Á  - Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo  - Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật | **1**  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| *b).*  *\* Diện tích, giới hạn*  - Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. Biển Đông có diện tích 3,447 triệu km2 và vùng biển Việt Nam chiếm khoảng 1 triệu km2.  - Biển Đông là một biển lớn, tương đối kín, nằm trong khu vực gió mùa Đông Nam Á. Trải rộng từ Xích đạo tới Chí tuyến Bắc, thông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển hẹp. Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với các quốc gia: Trung Quốc, Phi-lip-pin, Ma-lai-xia, Xin-ga-po, In-đô-nê-xia, Thái Lan,  Bru-nây, Cam-pu-chia.  *\* Ý nghĩa*  - Các đảo là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền và bảo vệ Tổ quốc.  - Các đảo là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.  - Các đảo là địa bàn để phân bố dân cư, phát triển kinh tế.  - Các đảo là cơ sở để nước ta tiến ra biển và đại dương. | **2**  *0,5*  *0,5*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **Câu 4**  ***(2 điểm)*** | *Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam vì:*  - Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích. Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%, cao nhất là dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan-xi-păng cao 3143m  - Đồi núi nước ta tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển Đông, chạy dài 1400km từ miền Tây Bắc tới miền Đông Nam Bộ. Nhiều vùng núi lan ra sát biển hoặc bị nhấn chìm thành các quần đảo như vùng biển Hạ Long (Quảng Ninh) trong vịnh Bắc Bộ.  - Địa hình đồng bằng chỉ chỉ chiếm ¼ diện tích lãnh thổ đất liền và bị đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực, điển hình là dải đồng bằng duyên hải miền Trung nước ta | **2**  *0,75*  *0,75*  *0,5* |
| **Câu 5**  ***(5 điểm)*** | a).  \* *Chứng minh nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng:*  - Hiện nay đã khảo sát và thăm dò được khoảng 5000 điểm quặng và tụ khoáng của gần 60 loại khoáng sản khác nhau trong đó có nhiều loại đã và đang được khai thác.  - Phần lớn các khoáng sản của nước ta có quy mô vừa và nhỏ. Một số mỏ khoáng sản có trữ ượng lớn như than, sắt, apatit, đá vôi, crôm, đồng, thiếc, bôxit (quặng nhôm).  *\* Nguyên nhân:*  - Nước ta có lịch sử địa chất kiến tạo lâu dài và phức tạp.  - Nước ta trải qua rất nhiều chu kỳ kiến tạo lớn. Mỗi chu kỳ kiến tạo sản sinh ra một hệ khoáng sản đặc trưng.  - Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của hai vành đai sinh khoáng lớn của thế giới là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.  - Sự phát hiện, thăm dò, tìm kiếm khoáng sản của ngành địa chất nước ta ngày càng có hiệu quả. | **2,5**  *0,75*  *0,75*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| *b). Nguyên nhân gây mưa chủ yếu ở nước ta là do địa hình và hoàn lưu khí quyển*  *\* Mưa do địa hình:*  - Ảnh hưởng độ cao địa hình đến lượng mưa và sự phân bố mưa.  + Cùng một sườn núi càng lên cao lượng mưa càng tăng. Tới một độ cao nào đó độ ẩm không khí đã giảm nhiều sẽ không còn mưa (thường xảy ra ở vùng núi cao như Sa Pa)  + Địa hình núi cao đón gió thì mưa nhiều (Việt Bắc, Kon Tum), địa hình núi thấp khuất gió mưa ít...  - Ảnh hưởng của địa hình tới lượng mưa và sự phân bố mưa: cùng một dãy núi sườn đón gió ẩm mưa nhiều (Móng Cái, Huế), sườn khuất gió thường mưa rất ít (thung lũng sông Đà, Sông Ba).  - Hướng địa hình song song với hướng gió lượng mưa cũng rất thấp (Ninh Thuận, Bình Thuận).  *\* Mưa do hoàn lưu khí quyển*  - Mưa do gió mùa: do nằm trong khu vực hoạt động của hoàn lưu gió mùa châu Á nên nước ta có lượng mưa lớn hơn các nước vùng vĩ độ như Tây Á, Đông Phi và Bắc Phi  + Gió mùa Tây Nam là nguyên nhân gây mưa chính cho nước ta (mùa mưa trùng với thời kỳ hoạt động của gió mùa Tây Nam, mùa khô à thời kỳ hoạt động của gió mùa Đông Bắc).  + Một số loại gió khác cũng gây mưa nhưng lượng mưa không đáng kể như gió mùa Đông Bắc vào thời kỳ cuối đông, gió biển ở các địa phương ven biển…  - Mưa do frông và dải hội tụ nhiệt đới ở khu vực duyên hải Trung Bộ | **2,5**  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **Câu 6**  ***(4đ)*** | 1. **Vẽ biểu đồ:**   *\* Tính năng suất lúa của Ấn Độ*  **Năng suất lúa của Ấn Độ giai đoạn 1990-2011**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 1990 | 2000 | 2005 | 2008 | 2011 | | Năng suất lúa *(tạ/ha)* | 26,1 | 28,5 | 31,5 | 32,5 | 35,9 |   *\* Xử lí số liệu*  **Tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất và sản lượng lúa của Ấn Độ giai đoạn 1990-2011**  (Đơn vị: %)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 1990 | 2000 | 2005 | 2008 | 2011 | | Diện tích | 100,0 | 104,7 | 102,3 | 106,7 | 103,0 | | Năng suất lúa | 100,0 | 114,3 | 123,5 | 132,7 | 141,6 | | Sản lượng | 100,0 | 109,2 | 120,7 | 124,5 | 137,5 |   *\* Vẽ biểu đồ:*  - Vẽ biểu đồ đường, biểu đồ khác không cho điểm  *-* Đảm bảo chính xác, khoa học, thẩm mỹ.  - Có đầy đủ tên biểu đồ, chú giải, ghi số liệu đúng cho mỗi đường.  *Lưu ý:* *Các tiêu chí trên, mỗi tiêu chí không đạt hoặc thiếu, sai trừ 0,25 điểm/tiêu chí.* | **3**  *0,5*  *0,5*  *2* |
| **b) Nhận xét và giải thích**  *\* Nhận xét:*  *Giai đoạn 1990-2011*  - Diện tích lúa tăng nhưng không ổn định.  + Diện tích lúa Ấn Độ tăng 3% (gấp 1,03 lần)  + Sự tăng trưởng không ổn định: giai đoạn 1990-2000 tăng, giai đoạn 2000-2005 giảm, giai đoạn 2005-2008 tăng, giai đoạn 2008-2011 giảm *(dẫn chứng)*  - Năng suất lúa có tốc độ tăng liên tục, tăng 41,6% (gấp 1,38 lần)  - Sản lượng lúa có tốc độ tăng liên tuc, tăng 37,5% (gấp 1,42 lần)  - Năng suất lúa có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, diện tích có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  *\* Giải thích:*  - Diện tích tăng do mở rộng diện tích canh tác, đẩy mạnh thâm canh, tuy nhiên chưa ổn định do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sự thất thường của nhịp điệu gió mùa, chế độ nước sông ngòi và thiên tai…  - Năng suất lúa tăng nhanh nhất do áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật trong sản xuất…  - Sản lượng lúa tăng do kết quả của việc mở rộng diện tích, tăng vụ, tăng năng suất… | **1**  *0,5*  *0,5* |
| **Tổng điểm** | | **20,0** |

**Lưu ý:**

*- Cho điểm tối đa khi học sinh trình bày đủ các ý và bài làm sạch đẹp.*

*- Học sinh có thể không trình bày các ý theo thứ tự như hướng dẫn trả lời nhưng đủ ý và hợp lí, sạch đẹp vẫn cho điểm tối đa. Thiếu ý nào sẽ không cho điểm ý đó.*

**BUỔI 16 ĐỀ 4. Ngày dạy: 29/12/2022**

**Câu 1 *(3 điểm):***

a. Lễ hội pháo hoa quốc tế khai mạc tại Đà Nẵng lúc 19 giờ ngày 29/4/2013 và được truyền hình trực tiếp. Hãy tính giờ, ngày, tháng truyền hình trực tiếp tại các kinh độ ở các quốc gia trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí** | **Ô-xtrây-li-a** | **Hoa Kì** | **Phi-lip-pin** | **Bra-xin** |
| Kinh độ | 1500Đ | 1200T | 1200Đ | 600T |
| Giờ | ? | ? | ? | ? |
| Ngày/tháng | ? | ? | ? | ? |

b.Giải thích tại sao các vật thể chuyển động ở hai nửa cầu Bắc – Nam lệch hướng không giống nhau?

**Câu 2 *(3 điểm):***

a. Vẽ sơ đồ thể hiện 4 vị trí của trái đất trên quỹ đạo quay quanh mặt trời tương ứng với các mùa ở Bắc bán cầu.

b. Em hãy phân tích ý nghĩa của bình nguyên, cao nguyên và vùng đồi đối với phát triển nông nghiệp?

**Câu 3** ***(4 điểm):*** Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết:

a. Hình dạng lãnh thổ nước ta đã ảnh hưởng như thế nào tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải?

b. Biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta?

**Câu 4 *(6 điểm):***

a. Nhà thơ Phạm Tiến Duật đã từng viết:

*"Trường Sơn Đông, trường Sơn Tây bên nắng đốt, bên mưa quây".*

Hãy cho biết hiện tượng "nắng đốt" và "mưa quây" xảy ra ở sườn nào của dãy Trường Sơn và vào mùa nào? Giải thích hiện tượng trên ?

b. Trình bày đặc điểm chung của địa hình Việt Nam? Giải thích tại sao nói:” Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam”?

**Câu 5 *(4 điểm):*** Cho bảng số liệu sau:

**Diện tích và dân số một số khu vực của Châu Á, năm 2005**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích (nghìn km2)** | **Dân số (triệu người)** |
| Đông Á | 11 762 | 1537 |
| Đông Nam Á | 4495 | 556 |
| Trung Á | 5560 | 61 |
| Tây Nam Á | 7009 | 313 |
| Nam Á | 5137 | 1572 |

*Nguồn: SGK lớp 10 - THPT*

a. Vẽ biểu đồ thể hiện mật độ dân số một số khu vực của Châu Á.

b. Nhận xét về sự phân bố dân cư giữa các khu vực của Châu Á và giải thích các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư?

Hết

*Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | Điểm |
| **1**  ***3 điểm*** | a. Mỗi quốc gia đúng được 0,25 điểm   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Vị trí** | **Ô-xtrây-li-a** | **Hoa Kì** | **Phi-lip-pin** | **Bra-xin** | | Kinh độ | 1500Đ | 1200T | 1200Đ | 600T | | Giờ | 22 giờ | 4 giờ | 20 giờ | 8 giờ | | Ngày/tháng | 29/4/2013 | 29/4/2013 | 29/4/2013 | 29/4/2013 |   b.  - Do Trái Đất có dạng hình cầu, khi chuyển động tự quay quanh trục liên tục sinh ra lực làm các vật thể chuyển động đều bị lệch hướng, đó là lực Côriôlit.  - Ở xích đạo lực này bằng 0 và tăng dần về hai cực nên các vật thể ở hai nửa cầu Bắc – Nam lệch hướng không giống nhau.  - Nếu nhìn xuôi theo hướng chuyển động: nửa cầu Bắc lệch về bên phải, nửa cầu Nam lệch về bên trái chiều chuyển động, điều này ảnh hưởng đến sự chuyển động của khối khí, dòng biển, đường đạn,…. | *1*  *0,5*  *0.5*  *1* |
| **2**  ***3 điểm*** | a. Vẽ hình: đảm bảo có đầy đủ các thông tin về: hướng quay của trái đất quanh trục và quanh mặt trời, góc chiếu của ánh sáng mặt trời tại 4 vị trí theo mùa, ....    b. Ý nghĩa của bình nguyên, cao nguyên và vùng đồi đối với phát triển nông nghiệp:  - Bình nguyên (đồng bằng) do phù sa bồi tụ thuận lợi cho tưới tiêu, gieo trồng các loại cây lương thực, thực phẩm, dân cư đông đúc. Đây là vùng kinh tế phát triển, nhất là nông nghiệp. Ở nước ta điển hình là vùng đồng bằng Sông Hồng và Sông Cửu Long.  - Cao nguyên thuận lợi cho trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn. Điển hình ở nước ta là vùng Tây nguyên, Mộc Châu (Sơn La).  - Vùng đồi có ý nghĩa kinh tế tương đối lớn, thuận lợi cho trồng cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ở nước ta có vùng đồi ở các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ… | *1,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5* |
| **3**  ***4 điểm*** | **a. Hình dạng lãnh thổ nước ta đã ảnh hưởng:**  ***\* Đối với thiên nhiên:***  - Cảnh quan phong phú đa dạng và sinh động có sự khác biệt rõ giữa các vùng, các miền tự nhiên.  - Ảnh hưởng của biển sâu vào trong đất liền làm tăng tính chất nóng ẩm của thiên nhiên.  ***\* Đối với giao thông vận tải:***  - Với hình dạng lãnh thổ như trên, nước ta có thể phát triển nhiều loại hình vận chuyển như đường bộ, đường biển, đường hàng không.  - Tuy nhiên giao thông vận tải nước ta cũng gặp nhiều trở ngại khó khăn, nguy hiểm do lãnh thổ dài, hẹp và nằm sát biển làm cho các tuyến đường dễ bị hư hỏng bởi thiên tai như: bão, lũ lụt, sóng biển, đặc biệt là tuyến đường Bắc Nam.  **b. Biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn :**  **\* Thuận lợi:**  - Vùng biển có nhiều giá trị to lớn về kinh tế :  + Trên biển có nhiều khoáng sản đặc biệt là dầu khí, hải sản phong phú, có nhiều bãi biển đẹp thuận lợi cho phát triển du lịch.  + Bờ biển có nhiều vũng, vịnh kín thuận lợi để xây dựng hải cảng, phát triển giao thông vận tải biển. Biển nước ta còn là một kho muối khổng lồ.  \* Khó khăn:  + Thiên tai thường xảy ra( bão, nước biển dâng, sạt lở bờ biển,…).  + Môi trường bị ô nhiễm đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân. | *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5* |
| **4**  ***6 điểm*** | a.  \* Hiện tượng "nắng đốt" và "mưa quây xảy ra:  - Hiện tượng "nắng đốt" xảy ra ở sườn phía đông của dãy Trường Sơn, hiện tượng "mưa quây" xảy ra ở sườn phía Tây của dãy Trường Sơn.  - Trong thời gian đầu mùa hạ với sự hoạt động của gió mùa Tây Nam.  **Giải thích hiện tượng**  - Vào đầu mùa hạ ở nước ta, khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương di chuyển theo hướng Tây Nam vào nước ta, gặp dãy Trường Sơn đã gây mưa ở sườn Tây.  - Khi vượt qua dãy Trường Sơn tạo ra hiện tượng gió "phơn" khô nóng cho sườn Đông Trường Sơn (đồng bằng ven biển Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc).  b. Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam:  + Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam.  + Địa hình nước ta được nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.  + Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người.  \* Nói đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam vì:  + Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình thấp dưới 1000 m chiếm 85% diện tích. Núi cao trên 200 m chỉ chiếm 1%, cao nhất là Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan Xi Păng cao 3143 m.  + Đồi núi nước ta tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển Đông, chạy dài 1400 km, từ miền Tây Bắc tới miền Đông Nam Bộ. Nhiều vùng vúi lan ra sát biển. | *0,75*  *0,5*  *0,75*  *0,75*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,75*  *0,75* |
| **6**  ***4 điểm*** | a. Vẽ biểu đồ mật độ dân số.  - Xử lý số liệu: Tính mật độ dân số. Lập bảng số liệu về mật độ dân số  **Mật độ dân số một số khu vực của Châu Á**  (Đơn vị: người/km2)   |  |  | | --- | --- | | Khu vực | Mật độ dân số | | Đông Á | 131 | | Đông Nam Á | 124 | | Trung Á | 11 | | Tây Nam Á | 45 | | Nam Á | 306 |   - Vẽ biểu đồ: Yêu cầu  + Vẽ đúng dạng biểu đồ: biểu đồ cột  + Biểu đồ chính xác về tỉ lệ, đẹp, khoa học, có đầy đủ các thông tin cần thiết (tên biểu đồ, đơn vị,…)  *Nếu vẽ không đúng dạng biểu đồ không cho điểm. Thiếu hoặc không chính xác 1 trong các nội dung trên (trừ 0,25 điểm/ nội dung)*  b. Nhận xét sự phân bố dân cư giữa các khu vực của Châu Á và nêu các nhân tố ảnh hưởng tới phân bố dân cư  - Nhận xét: Mật độ dân số giữa các khu vực của châu Á không đồng đều  + Mật độ cao nhất: khu vực Nam Á với 306 người/km2  + Mật độ thấp nhất: khu vực Trung Á với 11 người/km2  - Giải thích: Mật độ dân số giữa các khu vực của châu Á không đồng đều do tác động tổng hợp của nhiều nhân tố:  + Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tính chất của nền kinh tế.  + Điều kiện tự nhiên: Địa hình, khí hậu, đất đai,....  + Lịch sử khai thác lãnh thổ, định cư, chuyển cư,... | *0,5*  *2*  *0,5*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |

**BUỔI 17. ĐỀ 5. Ngày dạy: 5/1/2022**

**Câu 1 (3,5 điểm):**

a) Vận động tự quay quanh trục của Trái Đất đã sinh ra những hiện tượng gì? Giải thích nguyên nhân?

b) Một trận bóng đá giữa đội Liverpool và Real Madrid được khai mạc ở sân vận động nước Anh vào đúng 15h ngày 15/3/2008. Hỏi vào thời điểm trận đấu đó khai mạc thì thủ đô một số nước sau đây là ngày nào và là mấy giờ?

- Hà Nội (múi số 7)

- Bắc Kinh (múi số 8)

- Matxcơva ( múi số 2)

- Osinhtơn (Múi số 19)

**Câu 2 (2,5 điểm):**

a). Kể tên các khối khí trên Trái Đất và cho biết chúng được hình thành ở đâu? Có đặc điểm gì nổi bật?

b) Tại sao nói nội lực và ngoại lực là hai lực đối nghịch nhau?

biển mà chúng chảy qua?

**Câu 3 (5,0 điểm):**

a). Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy cho biết nước ta tiếp giáp với quốc gia nào trên đất liền và trên biển?

b). Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam *(trang 4,5,6,7 phần hành chính và hình thể)* cho biết việc tăng cường hợp tác giữa Việt Nam với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển, đảo có ý nghĩa như thế nào?

c).  Sách giáo khoa Địa lí 8 có nói: Vị trí nước ta đã làm cho khí hậu có những nét độc đáo. Vậy giải thích như thế nào?

**Câu 4 (5,0 điểm):**

a). Tại sao nói địa hình nước ta đa dạng, nhiều kiểu loại trong đó quan trọng nhất là địa hình đồi núi.

b). Chứng minh khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa . Giải thích tại sao nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

**Câu 5 (4 điểm):** Cho bảng số liệu sau: Nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Nhiệt độ (0C) | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Lượng mưa (mm) | 18,6 | 26,2 | 43,8 | 90,1 | 188,5 | 239,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43,4 | 23,4 |

a) Vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội.

1. Nhận xét và giải thích nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội.

……………….HẾT………………..

**Lưu ý***: Thí sinh được sử dụng* Atlat *Địa lí Việt Nam và các đồ dùng học tập (Thước đo độ, compa, êke, máy tính bỏ túi) trong quá trình làm bài.*

**Hướng dẫn chung**

Thí sinh có thể trình bày theo cách khác nhau, nếu đủ ý và đảm bảo tính chính xác của kiến thức thì vẫn đạt điểm tối đa.

***Hướng dẫn cụ thể:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| ***Câu 1 (3,5 điểm)*** | **3,5** |
| ***a) Hiện tượng:***  - Sinh ra hiện tượng luân phiên ngày, đêm trên Trái đất  - Sự chuyển động lệch hướng của các vật thể trên bề mặt Trái đất  \* Giải thích:  - Do Trái đất dạng hình cầu, khi chuyển động tự quay quanh trục, ánh sáng Mặt Trời chỉ chiếu được một nửa, nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. Do Trái Đất tự quay quanh trục, nên mọi nơi ở bề mặt Trái Đất đều lần lượt được Mặt Trời chiếu sáng rồi lại chìm trong bóng tối, gây nên hiện tượng luân phiên ngày và đêm trên Trái Đất  - Khi Trái Đất tự quay quanh trục, mọi địa điểm thuộc các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất (trừ hai cực) đều có hướng chuyển động từ tây sang đông. Do vậy, các vật thể chuyển động trên bề mặt Trái Đất sẽ bị lệch so với hướng ban đầu (tác động của lực Cô-ri-ô-lit). Ở bán cầu Bắc, vật chuyển động lệch về bên phải, ở bán cầu Nam bị lệch về bên trái theo hướng chuyển động.  b) - Hà Nội: 22h ngày 15/3  - Bắc Kinh: 23h ngày 15/3  - Matxcơva: 17h ngày 15/3  - Oasinhtơn: 10h ngày 15/3 | *0,25*  *0,25*  *1*  *1*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| ***Câu 2 (2,5 điểm)*** | *2,5* |
| ***a. Có 4 khối khí:***  - Khối khí nóng: hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao  - Khối khí lạnh: hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp  - Khối khí đại dương: hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn  - Khối khí lục địa: hình trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô  b) Nói nội lực và ngoại lực là hai lực đối nghịch nhau vì:  - Nội lực là lực sinh ra ở bên trong Trái Đất, tác động của nội lực đã làm cho bề mặt Trái Đất có nơi được nâng cao, có nơi bị hạ thấp. Nó làm cho các lớp đất đá bị uốn nếp hoặc đứt gãy, tạo nên các hiện tượng núi lửa và động đất...  - Ngoại lực là những lực sinh ra ở bên ngoài, ngay trên bề mặt lớp vỏ Trái Đất hoặc gần mặt đất. Tác động của ngoại lực biểu hiện chủ yếu thông qua hai quá trình: quá trình phong hoá làm vỡ vụn các loại đá và quá trình xâm thực, xói mòn các loại đá. | *1*  *0,5*  *1* |
| ***Câu 3 (5 điểm)*** | *5* |
| ***a). Tiếp giáp trên đất liền và trên biển của nước ta***  - Trên đất liền, phía bắc nước ta tiếp giáp với Trung Quốc, phía tâp giáp Lào và Cam-pu-chia.  + Các tỉnh giáp Trung Quốc: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh  + Các tỉnh giáp Lào: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ an, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam và Kon Tum  + Các tỉnh giáp với Cam-pu-chia: Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang.  ***b) Việc tăng cường hợp tác giữa Việt Nam với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển, đảo có ý nghĩa:***  - Biển Đông là biển chung của Việt Nam và nhiều nước láng giềng (Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây,…). Vì vậy, việc tăng cường đối thoại, hợp tác giữa Việt Nam và các nước có liên quan sẽ là nhân tố tạo ra sự phát triển ổn định trong khu vực, bảo vệ được lợi ích chính đáng của Nhà nước và nhân dân ta, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.  - Việt Nam là nước Đông Nam Á lục địa có nhiều lợi ích ở biển Đông như phát triển giao thông vận tải biển, du lịch biển, khái thác dầu khí, khoáng sản biển, hải sản, nghiên cứu khoa học….Vì vậy, mỗi công dân Việt Nam đều có bổn phận bảo vệ vùng biển và hải đảo của đất nước, cho hôm nay và cho các thế hệ mai sau.  - Đặc biệt là trong hoàn cảnh hiện nay Trung Quốc đang tìm mọi cách để thực hiện âm mưu độc chiếm biển Đông và thực hiện bản đồ “lưỡi bò” thì nhân dân ta càng phải quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo đồng thời hợp tác với các nước cùng nhau bảo vệ chủ quyền trên biển Đông theo công ước quốc tế về Biển đảo năm 1982.  ***c) Sách giáo khoa Địa lí 8 có nói: Vị trí nước ta đã làm cho khí hậu có những nét độc đáo. Vậy giải thích như thế nào?***  \* Vị trí nước ta có những đặc điểm sau đây nên đã làm cho khí hậu có những nét độc đáo:  - Nước ta nằm hoàn toàn trong vòng đai nhiệt đới. Nước ta nằm ở trung tâm khu vực gió mùa Đông Nam Á.  - Nước ta có lãnh thổ hẹp từ tây sang động và bài tới 15ovĩ độ từ bắc xuống nam.    - Nước ta nằm trên một bán đảo, tận cùng của lục địa Âu – Á rộng nhất thế giới.  - Nuớc ta giáp Thái Bình Dương ở phía đông và phía nam, chịu ảnh hưởng thường xuyên của các trận bão nhiệt đới, sinh ra trong Thái Bình Dương. | *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *1*  *1*  *1*    *1* |
| ***Câu 4 (5 điểm)*** | ***5,0*** |
| a). Địa hình nước ta đa dạng, nhiều kiểu loại trong đó quan trọng nhất là địa hình đồi núi. Vì:  - Đồi núi chiếm ¾ điện tích lãnh thổ đất liền và là dạng phổ biến nhất. Ngay ở đồng bằng châu thổ nước ta cũng bắt gặp các núi sót nhô cao trên mặt đồng bằng (núi Đồ Sơn, Con Voi, Tam Điệp, Sầm Sơn, Bà Đen, Bảy núi...)  - Đồi núi ảnh hưởng nhiều đến cảnh quan chung: sự xuất hiện các đai cao tự nhiên theo địa hình (đai nhiệt đới chân núi, đai á nhiệt đới trung bình, đai ôn đới núi cao)  - Đồi núi ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế xã hội. Vùng đồi núi có những thế mạnh riêng về kinh tế, khai thác khoáng sản, xây dựng hồ thủy điện, trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn, phát triển du lịch sinh thái..., nhưng đồi núi cũng có nhiều khó khăn trở ngại về đầu tư phát triển kinh tế, về giao thông vận tải..., do vậy miền đồi núi nước ta vẫn còn là vùng kinh tế chậm phát triển, đời sống vất vả hơn so với các vùng khác.  b. Khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  - Tính chất nhiệt đới: Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được 1 triệu kilô calo trong một năm. Số giờ nắng trong năm đạt từ 1400 – 3000 giờ trong một năm. Nhiệt độ trung bình năm trên 210C  - Tính chất gió mùa: Khí hậu nước ta chia thành hai mùa rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió. Mùa đông có gió đông bắc khô lạnh, mùa hạ có gió mùa tây nam và đông nam nóng ẩm  - Tính chất ẩm: Lượng mưa trung bình năm từ 1500 – 2000mm. Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến 3500 – 4000mm. Độ ẩm không khí cao, trên 80%.  \* Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa vì:  - Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến. Hằng năm lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm đều có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh.  - Giáp biển Đông – nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào, các khối khí di chuyển qua biển đã mang lại cho nước ta lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.  - Nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á | *0,5*  *0,5*  *1*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5* |
| ***Câu 5 (4 điểm)*** | ***4,0*** |
| *a) Vẽ biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Hà Nội*  - Lượng mưa: cột, nhiệt độ: đường  *-* Tên biểu đồ, ghi chú, chính xác, đảm bảo mĩ quan  *b) Nhận xét và giải thích*  *\* Nhận xét:*  *-* Tháng có nhiệt độ cao nhất, tháng có nhiệt độ thấp nhất ( DC)  - Tháng có lượng mưa cao nhất, tháng có lượng mưa thấp nhất (DC)  *\* Giải thích*  - Về mùa đông do ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc nên nhiệt độ ở Hà Nội lạnh và lượng mưa tương đối ít.  - Về mùa hè do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam nhiệt độ tương đối cao và lượng mưa lớn. | *2*  *1*  *1* |
| ***Tổng cộng*** | ***20*** |

BUỔI 18. ĐỀ 6. Ngày dạy: 12/1/2022

**Câu 1 (3 điểm ):**

a. Người mẹ tham gia đoàn công tác tới Pari (thủ đô nước Pháp). Trước khi đi Pari mẹ giao hẹn với con trai ở Hà Nội là hằng ngày 2 mẹ con sẽ nói chuyện qua Internet. Tuy nhiên có một số trở ngại về mặt thời gian:

- Theo giờ Pari, từ 7 đến 12 giờ mẹ làm việc với đoàn và từ 21giờ đến 5 giờ là thời gian ngủ.Ở những khung giờ ấy người con không liên lạc được với mẹ.

- Tương tự như vậy, theo giờ Hà Nội từ 7 giờ đến 12 giờ người con đi học và từ 21h đến 5 giờ là thời gian ngủ. Ở những khung giờ ấy người mẹ không liên lạc được với con.

Theo em, hai mẹ con sẽ chỉ nói chuyện được với nhau trong những khoảng thời gian nào trong ngày (Theo giờ Pari và giờ Hà Nội)

b. Sự phân hóa nhiệt độ theo độ cao đã gây ra hiện tượng chênh lệch nhiệt độ giữa chân núi và đỉnh núi của một địa hình là 1,80C. Hãy tìm độ cao tương đối của địa hình này ? Giải thích tại sao càng lên cao nhiệt độ không khí lại càng giảm?

**Câu 2 (3 điểm ):**

a. Giả sử trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo và Trái Đất vẫn luôn tự quay quanh trục, chuyển động quanh Mặt Trời. Khi đó, hiện tượng ngày đêm trên

Trái Đất sẽ như thế nào? Giải thích?

b. Thủy chế đơn giản hay phức tạp phụ kiện vào điểu kiện nào? Thủy chế ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và đời sống?

**Câu 3 (5 điểm):**

a. Vùng biển Việt Nam mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó thông qua các yếu tố về khí hậu biển ? Biển đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống nhân dân ta ?

b. Hình dạng lãnh thổ nước ta có đặc điểm gì ? Hình dạng ấy đã ảnh hưởng như thế nào tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải ?

c. Cho bảng thông tin dưới đây:

*Diễn biến của mùa bão dọc bờ biển Việt Nam*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mùa bão | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| Toàn quốc | x | x | x | x | x | x |
| Quảng Ninh đến Nghệ An | x | x | x | x |  |  |
| Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi |  | x | x | x | x |  |
| Bình Định đến Bình Thuận |  |  |  | x | x | x |
| Vũng Tàu đến Cà Mau |  |  |  |  | x | x |

Dựa vào bảng trên, em hãy nêu nhận xét về tình hình bão ở Việt Nam?

**Câu 4 (5 điểm):**

a. Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi, địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa. Bằng kiến thức đã học hãy chứng minh nhận định trên?

b. Dựa vào Atlat địa lý tự nhiên và kiến thức đã học: Hãy phân tích các nhân tố dẫn đến sự phân hóa đa dạng của khí hậu nước ta?

**Câu 5 (4 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**Biến đổi diện tích và độ che phủ rừng ở nước ta giai đoạn 1943 -2007**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích rừng (triệu ha)** | **Trong đó** | | **Tỉ lệ che phủ rừng (%)** |
| **Rừng tự nhiên** | **Rừng trồng** |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43,8 |
| 1976 | 11,1 | 11,0 | 0,1 | 33,8 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22,0 |
| 1990 | 9,2 | 8,4 | 0,8 | 27,8 |
| 2000 | 10,9 | 9,4 | 1,5 | 33,1 |
| 2005 | 12,4 | 9,5 | 2,9 | 37,7 |
| 2007 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,4 |

a. Xác định dạng biểu đồ thích hợp và vẽ biểu đồ thể hiện sự biến đổi diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943-2007.

b. Nhận xét sự thay đổi diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943-2007.

Hết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
|  | |  | |
| **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **Câu 1**  ***3 điểm*** | **a. Khoảng thời gian 2 mẹ con có thể nói chuyện với nhau là:** | |  |
| IMG_20210412_100837 | | *1điểm* |
| **- Từ 13h-14h theo giờ Pari**  **- Từ 19h-20h theo giờ Việt Nam** | |  |
| **b. Tính độ cao** | |  |
| Trong tầng đối lưu càng lên cao nhiệt độ càng giảm, cứ lên 100m nhiệt độ giảm 0,60C/100m. Biết nhiệt độ chênh lệch giữa chân và đỉnh là 1,80C nên độ cao của địa hình này sẽ là: 100 x 1,8/0,6 = 300m | | *1đ* |
| \* Càng lên cao nhiệt độ không khí lại càng giảm vì:  Vì tầng không khí ở gần mặt đất dày đặc, đồng thời lại có chứa nhiều bụi và hơi nước nên hấp thụ nhiều nhiệt, trái lại tầng không khí ở trên cao vừa loãng vừa chứa ít bụi và hơi nước nên hấp thụ ít nhiệt. Chính vì thế, càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm. | | *1đ* |
| **Câu 2**  ***3 điểm*** | **a. Nếu trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo, khi đó:**  \* Hiện tượng ngày đêm trên Trái Đất:  - Trên Trái Đất vẫn có ngày và đêm luân phiên nhau  - Mọi nơi trên Trái Đất đều có độ dài ngày và đêm bằng nhau. Độ dài ngày và đêm của tất cả mọi nơi trên Trái Đất đều là 24giờ.  - Những địa phương cùng nằm trên một đường kinh tuyến sẽ có ngày và đêm cùng một lúc. | | *0,25đ*  *0,25đ*  *0,25đ* |
|  | \*Giải thích:  - Do Trái Đất hình khối cầu, trục Trái Đất luôn thẳng đứng và TĐ luôn tự quay quanh trục, chuyển động quanh Mặt Trời theo cùng một hướng.  - Do trục Trái Đất trùng với đường phân sáng tối, nên tất cả mọi nơi trên Trái Đất đều có  phần diện tích được chiếu sáng và che khuất bằng nhau  - Những địa phương cùng nằm trên một đường kinh tuyến sẽ được chiếu sáng và che khuất cùng một lúc. | | *0,25đ*  *0,25đ*  *0,25đ* |
|  | b.  \* Thủy chế đơn giản hay phức tạp phụ thuộc vào nguồn cung cấp nước:  - Các sông chảy trong vùng khí hậu gió mùa, nguồn cung cấp nước là nước mưa, thì về mùa khô hay bị cạn, còn về mùa mưa lại hay có lũ.  - Các sông chảy trong miền khí hậu khô lạnh, nguồn cung cấp nước chủ yếu là băng tuyết tan, nên hay có lũ vào cuối mùa xuân.  - Các sông có nhiều nguồn cung cấp nước (nước mưa hay băng tuyết tan) thì chế độ nước thường phức tạp. Các sông chỉ có một nguồn cung cấp nước thì thủy chế tương đối đơn giản. | | *0,25đ*  *0,25đ*  *0,25đ*  *0,25đ* |
|  | \* Thủy chế có ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân:  - Với những sông có thủy chế ổn định, sản xuất và đời sống ở đó thuận lợi.  - Những sông có thủy chế thất thường, về mùa lũ , nước sông dâng cao gây lũ lụt, làm thiệt hại đến tài sản, tính mạng của người dân quanh vùng. | | *0,25đ*  *0,25đ* |
| **Câu *3***  ***5 điểm*** | **a. Biển Đông nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới**  + Chế độ gió: trên biển Đông có 2 mùa gió, gió hướng Đông Bắc chiếm ưu thế trong 7 tháng, từ tháng 10 đến tháng 4. Các tháng 5 đến 11 có hướng Tây Nam Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền, tốc độ gió đạt 5- 6m/s và cực đai tới 50 m/s  + Chế độ nhiệt: ở biến mùa hạ mát, mùa đông ấm, biên độ nhiệt nhỏ, nhiệt độ trung bình 230C  + Chế độ mưa: Lượng mưa ít hơn trên đất liền từ 1100mm đến 1300 mm/năm  + Chế độ triều: thủy triều là nét đặc sắc của vùng biển Việt Nam | | *0,5đ*  *0,25đ*  *0,25đ*  *0,25đ* |
| \* Những thuận lợi và khó khăn:  - Thuận lơi: Nguồn tài nguyên biển phong phú và đa dạng (thủy sản, khoáng sản nhất là dầu mỏ và khí đốt, muối, du lịch- có nhiều bãi biển đẹp…) | | *0,25đ* |
| - Khó khăn: Một số thiên tai thường xảy ra trên vùng biển nước ta (mưa, bão , sóng lớn, triều cường…) | | *0,25đ* |
| **b. Đặc điểm:**  - Lãnh thổ nước ta kéo dài về bề ngang phần đất liền hẹp.  - Chiều dài Bắc Nam tới 1650 km, bề ngang nơi hẹp nhất theo chiều Tây – Đông thuộc tỉnh Quảng Bình, chưa tới 50 km. Đường bờ biển uốn khúc hình chữ S dài 3260km | | *0,5 đ* |
| **\*ảnh hưởng:**  ***Đối với thiên nhiên:***  - Cảnh quan phong phú đa dạng và sinh động có sự khác biệt rõ giữa các vùng , các miền tự nhiên.  - Ảnh hưởng của biển sâu vào trong đất liền làm tăng tính chất nóng ẩm của thiên nhiên. | | *0,75 đ* |
| ***Đối với giao thông vận tải:***  - Với hình dạng lãnh thổ như trên, nước ta có thể phát triển nhiều loại hình vận chuyển như đường bộ, đường biển, đường hàng không.  - Tuy nhiên giao thông vận tải nước ta cũng gặp nhiều trở ngại khó khăn, nguy hiểm do lãnh thổ dài, hẹp và nằm sát biển làm cho các tuyến đường dễ bị hư hỏng bởi thiên tai như: bão, lũ lụt, sóng biển dặc biệt là tuyến đường Bắc Nam. | | *0,25đ*  *0,75đ* |
| **c. Nhận xét về tình hình bão ở Việt Nam**  - Bão xảy ra trên cả nước  - Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.  - Khu vực Miền Trung là khu vực chịu ảnh hưởng mạnh của bão. | | *1 đ* |
| **Câu 4**  ***5điểm*** | **a. Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi, địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa thể hiện:** | |  |
| *\* Xâm thực mạnh ở miền núi:*  *-* Nền nhiệt ẩm cao với một mùa mưa và một mùa khô xen kẽ thúc đẩy quá trình xâm thực mạnh mẽ, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị bào mòn rửa trôi. | | *0,5đ* |
| - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đẩy nhanh tốc độ hòa tan và phá hủy đá vôi, tạo thành địa hình Catxtơ với các hang động ngầm… | | *0,5đ* |
| - Để hạn chế xói mòn đất ở miền núi, cần phải tích cực trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc để hạn chế dòng chảy, bảo vệ lớp đất khỏi bị xâm thực rửa trôi. | | *0,5đ* |
| *\* Bồi tụ nhanh ở hạ lưu:* Hệ quả của quá trình xâm thực, bào mòn mạnh ở miền núi là sự bồi tụ nhanh ở các đồng bằng hạ lưu sông. | | *0,5đ* |
| **b. Phân tích các nhân tố dẫn đến sự phân hóa đa dạng của khí hậu nước ta** | |  |
| - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhưng phân hóa đa dạng, phức tạp theo không gian và thời gian do tác động tổng hợp của nhiều nhân tố: | | *0,5đ* |
| + Vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ: Nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai khí hậu nhiệt đới nửa cầu Bắc, trong khu vực Châu Á gió mùa chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa. Hoạt động của gió mùa khiến khí hậu phân hóa đa dạng. | | *0,5đ* |
| + Lãnh thổ kéo dài trên 15 vĩ tuyến, khoảng 1650 km theo chiều Bắc- Nam đẫn đến sự phân hóa khí hậu theo chiều Bắc - Nam | | *0,5đ* |
| + Sự hoạt động của hoàn lưu gió mùa với 2 mùa gió trái ngược nhau về hướng và tính chất đã dẫn đến sự phân hóa theo mùa và theo chiều Bắc- Nam. | | *0,5đ* |
| + Ảnh hưởng của địa hình gây nên sự phân hóa theo hướng sườn, theo đai cao. Các dãy núi chạy theo hướng Đông- Tây còn ảnh hưởng đến sự phân hóa chiều Bắc – Nam, nhiều dãy núi trở thành ranh giới của các miền khí hậu như dãy Hoàng Sơn, Bạch Mã. | | *0,5đ* |
| **Câu 4**  ***4 điểm*** | **a. Vẽ biểu đồ**  - Biểu đồ kết hợp cột và đường ( đường thể hiện độ che phủ, cột chồng thể hiện diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng)  - Yêu cầu : Đảm bảo độ chính xác, thẩm mỹ, có chú giải, đơn vị tính | | *2 đ* |
| **b. Nhận xét** | |  |
| - Tổng diện tích rừng của nước ta có nhiều biến đổi, do sự biến đổi của diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng. | | *0,5đ* |
| - Sự biến đổi của tổng diện tích rừng làm cho độ che phủ rừng của nước ta cũng biến đổi. | | *0,25đ* |
| + Năm 1943 : Rừng của nước ta hoàn toàn là rừng tự nhiên, chưa có diện tích rừng trồng. | | *0,25đ* |
| + Từ 1943 đến 1983, nước ta mất đi 7,1 triệu ha rừng, trung bình mỗi năm nước ta mất đi 0,18 triệu ha rừng. Trong giai đoạn này, diện tích rừng trồng tăng không đáng kể. Như vậy diện tích rừng trồng của nước ta không bù lại được so với diện tích rừng tự nhiên bị mất nên độ che phủ rừng cũng giảm 21,8% . | | *0,5đ* |
| + Từ 1983 – 2005 : diện tích rừng tự nhiên có sự phục hồi, nên diện tích rừng tự nhiên đã tăng được 2,7 triệu ha, diện tích rừng trồng cũng tăng lên 2,5 triệu ha. Vì vậy, tổng diện tích của nước ta đã tăng lên 5,2 triệu ha, làm cho độ che phủ rừng của nước ta cũng tăng 15,7% | | *0,25đ* |
| + Từ 2005-2007 : diện tích rừng tự nhiên vẫn tiếp tục tăng 0,7 triệu ha nhưng rừng trồng lại giảm 0,4 triệu ha. Vì vậy độ che phủ rừng tăng nhẹ 1,3% . | | 0,25đ |

**BUỔI 19. ĐỀ SỐ 7. Ngày dạy: 14/1/2022**

a. Trình bày sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả. Tại sao hàng ngày chúng ta nhìn thấy Mặt Trời, Mặt Trăng và các ngôi sao trên bầu trời chuyển động theo hướng từ Đông sang Tây?

b. Vẽ sơ đồ các loại gió chính trên Trái Đất. Trình bày phạm vi, hướng thổi của gió Tín phong. Vì sao gió Tín phong không thổi theo hướng kinh tuyến mà hơi lệch về phía tây?

c. Thuyền buồm vượt Thái Bình Dương từ bờ Đông sang bờ Tây muốn được gió căng buồm phải đi trong khu vực có loại gió nào hoạt động? Vì sao?

**Câu 2. ( 2,5 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm chính của mỗi tầng lớp vỏ khí.

b. Vì sao vào mùa hè ở nước ta nhiều người thường đi nghỉ mát ở các khu du lịch thuộc vùng núi. Hãy kể tên các khu nghỉ mát nổi tiếng ở vùng núi tỉnh Lào Cai.

**Câu 3. ( 2,0 điểm)**

a. Nhân dịp kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam. Hội nhà giáo Tỉnh Lào Cai nhận điện mừng lúc 19 giờ, ngày 20/11/2018 của Cựu học sinh từ các thành phố: Tô-ki-ô (1420 Đông), Niu-Oóc (750 Tây).

Hỏi Cựu học sinh thuộc các thành phố trên điện mừng vào lúc mấy giờ? Ngày tháng năm nào?

b. Sử dụng bản đồ hành chính Việt Nam (trang 4 - Atlat địa lí Việt Nam) hãy:

- Xác định hướng từ Lào Cai đến thủ đô Hà Nội.

- Đo và tính khoảng cách thực tế theo đường chim bay từ thành phố Lào Cai đến thủ đô Hà Nội.

**Câu 4. ( 3,0 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm dân cư khu vực Đông Nam Á. Đặc điểm đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế của khu vực.

b. Kể tên các nông sản nổi tiếng của Đông Nam Á. Vì sao khu vực Đông Nam Á phát triển được nhiều loại nông sản đó?

c. Sông Mê Công chảy vào Việt Nam đổi tên là gì? Tại sao chế độ nước sông Mê Công thay đổi theo mùa?

**Câu 5. (4,0 điểm)** Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam trang 6, 7 và kiến thức đã học, em hãy:

a. So sánh sự khác nhau về địa hình giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc.

b. Địa hình của các vùng núi trên có ảnh hưởng đến khí hậu và sông ngòi như thế nào?

c. Dựa vào bảng số liệu sau:

**Nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh**

*(Đơn vị: 0C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Hà Nội** | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| **TP. Hồ Chí Minh** | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

So sánh và giải thích sự khác nhau giữa nhiệt độ của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 6: (3,5 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**Tổng sản phẩm trong nước phân theo giá trị thực tế phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2002 và 2014.**

*(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2002** | **2014** |
| **Nông- Lâm-Ngư nghiệp** | 123,4 | 697,0 |
| **Công nghiệp-Xây dựng** | 206,2 | 1.307,9 |
| **Dịch vụ** | 206,2 | 1.537,2 |
| **Tổng** | **535,8** | **3.542,1** |

a. Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo các khu vực kinh tế ở nước ta năm 2002 và 2014.

b. Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta trong giai đọan trên.

---------------------Hết----------------------

*Ghi chú: Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam và máy tính cầm tay.*

**B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(4,0 điểm)** | **a. Trình bày sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả.**  *\* Vận động tự quay quanh trục của Trái Đất:*  - Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng nối liền hai cực và nghiêng 66033’ trên mặt phẳng quỹ đạo.  - Hướng tự quay từ Tây sang Đông.  - Thời gian tự quay một vòng quanh trục là 24 giờ (một ngày đêm). Vì vậy bề mặt Trái Đất được chia thành 24 khu vực giờ.  *\* Hệ quả* : + Ngày, đêm kế tiếp nhau; giờ trên Trái Đất.  + Sự lệch hướng chuyển động của các vật.  *\* Hàng ngày chúng ta nhìn thấy Mặt Trời, Mặt Trăng và các ngôi sao trên bầu trời chuyển động theo hướng từ đông sang tây vì:*  Trái Đất đang tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông, nên ta thấy Mặt Trời, Mặt Trăng và các ngôi sao chuyển động ngược lại, mọc ở phía Đông và lặn ở phía Tây.  **b. Sơ đồ các loại gió chính trên Trái Đất**  \*Yêu cầu: vẽ đúng mũi tên chỉ hướng gió từ áp cao đến áp thấp, ghi vĩ độ, có chú thích và tên sơ đồ đầy đủ.  \* Phạm vi, hướng thổi của gió tín phong: từ 300B, N đến 00 (xích đạo), NCB hướng ĐB, NCN hướng ĐN.  \* Giải thích: Do vận động tự quay của Trái Đất từ Tây sang Đông làm lệch hướng chuyển động.  **c.** Thuyền buồm vượt Thái Bình Dương từ bờ Đông sang bờ Tây muốn được gió căng buồm, phải đi trong khu vực có gió Tín Phong, vì đi theo cùng chiều gió thổi. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,75  0,5  0,5  0,5 |
| **2**  **(2,5**  **điểm)** | **a.** Đặc điểm chính của mỗi tầng lớp vỏ khí, gồm 3 tầng chính:  *- Tầng đối lưu:* Nằm sát mặt đất, lên đến độ cao khoảng 16 km, tầng này tập trung tới 90% không khí. Không khí chuyển động theo chiều thẳng đứng. Nhiệt độ giảm dần theo độ cao (trung bình cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm 0,60C). Là nơi sinh ra tất cả các hiện tượng khí tượng (mây, mưa...).  *- Tầng bình lưu:* Nằm trên tầng đối lưu, từ độ cao 16 km đến khoảng 80 km. Có lớp khí ô dôn, lớp này có tác dụng ngăn cản những tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.  *- Các tầng cao của khí quyển:* Nằm trên tầng bình lưu, từ độ cao 80 km trở lên, không khí của các tầng này cực loãng, không có quan hệ trực tiếp đến đời sống con người.  **b.** Vào mùa hè ở nước ta nhiều người thường đi nghỉ mát ở các khu du lịch thuộc vùng núi vì: càng lên cao nhiệt độ càng giảm, do không khí loãng hấp thụ nhiệt kém nên nhiệt độ thấp, không khí mát mẻ.  - Các khu nghỉ mát nổi tiếng ở vùng núi tỉnh Lào Cai: Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát (Y Tý)…. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **3**  **(2,0**  **điểm)** | **a.** Lào Cai (Việt Nam) thuộc múi giờ số 7, nhận điện mừng lúc 19 giờ, ngày 20/11/2018, thì cựu học sinh các thành phố sau:  \*Ở Tô-ki-ô: thuộc múi giờ số 9.  9 - 7 = 2 múi giờ.  Vậy: 19 giờ + 2 = 21 giờ, ngày 20/11/2018**.**  \*Ở New York: thuộc múi giờ số 19.  19 – 7 = 12 múi giờ.  Vậy: 19 giờ - 12 = 7 giờ, ngày 20/11/2018.  **b.** - Hướng từ Lào Cai đến thủ đô Hà Nội: hướng Đông Nam  - Khoảng cách trên bản đồ từ thành phố Lào Cai đến thủ đô Hà Nội đo được là: 4,2 cm.  - Khoảng cách thực tế theo đường chim bay từ thành phố Lào Cai đến thủ đô Hà Nội là: 4,2 x 6.000.000 = 252km | 0,5  0,5  0,25  0,25  0,5 |
| **4**  **(3,5 điểm)** | **a.** *\* Đặc điểm dân cư:*  **-** Số dân là 612 triệu người, chiếm 14,2 % dân số châu Á và 8,6% dân số thế giới (năm 2013).  - Mật độ dân số trung bình cao 136 người/km2, gấp 2,5 lần thế giới và tương đương châu Á.  - Dân số tăng khá nhanh: tỉ lệ gia tăng tự nhiên là 1,3% cao hơn so với châu Á và thế giới.  - Dân cư phân bố không đều, tập trung đông ở các đồng bằng châu thổ và ven biển. Trong nội địa và các đảo dân cư ít hơn.  *\*Ảnh hưởng:*  *- Thuận lợi:* Dân số đông nên lực lượng lao động đồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, thu hút đầu tư nước ngoài.  *- Khó khăn:* Dân số tăng nhanh gây sức ép đối với phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm,... Hơn nữa, dân cư lại phân bố không đều, gây khó khăn cho việc sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên và lao động.  **b.**Các nông sản nổi tiếng: Gạo, cà phê, cao su, hoa quả nhiệt đới…  \*Vì: - Điều kiện tự nhiên thuận lợi: khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất phù sa và đất đỏ ba dan, nguồn nước dồi dào….  - Điều kiện dân cư xã hội: dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, người dân có nhiều kinh nghiệm …..  **c.** Sông Mê Công đoạn chảy vào Việt Nam có tên gọi là sông Cửu Long (sông Tiền và sông Hậu).  \* Chế độ nước sông thay đổi theo mùa vì chảy trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **5**  **(4,5**  **điểm)** | **1. a, So sánh**   |  |  | | --- | --- | | Vùng núi Đông Bắc | Vùng núi Tây Bắc. | | - Là núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, địa hình cacxtơ khá phổ biến.  - Hướng núi: vòng cung với nhiều cánh cung như sông Gâm, Ngân Sơn…. | - Là vùng núi cao, xen kẽ các sơn nguyên đá vôi hiểm trở, các cánh đồng giữa núi.  - Hướng núi: Tây Bắc- Đông Nam như dãy Hoàng Liên Sơn… |   **b. Ảnh hưởng**  - Đối với khí hậu:  + Đông Bắc địa hình đón gió mùa Đông Bắc tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh -> khí hậu lạnh nhất cả nước, cuối mùa đông có mưa phùn.  + Tây Bắc địa hình chắn gió mùa Đông Bắc (dãy Hoàng Liên Sơn), mùa đông ngắn, ít lạnh, khí hậu thay đổi theo độ cao địa hình.  - Đối với sông ngòi:  + Ảnh hưởng đến hướng chảy: Đông Bắc sông chảy theo hướng vòng cung (sông Gâm..), Tây Bắc sông chảy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam (sông Hồng…).  + Ảnh hưởng đến tốc độ dòng chảy: Tây Bắc sông dốc, nhiều thác ghềnh…  **2.\* So sánh:** Nhiệt độ trung bình của: Hà Nội là 23,50C, TP.Hồ Chí Minh là 27,10C. Nhiệt độ trung bình năm của TP.Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội.  - Nhiệt độ tháng 1 và tháng 7 của Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh (D/C)…  - Biên độ nhiệt của Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chi Minh (D/C)….  **\* Giải thích:**  - Tháng 1 nhiệt độ của Hà Nội thấp (do vị trí địa lí, địa hình, gió mùa ĐB…)  - Tháng 7 cả 2 địa điểm đều có nhiệt độ cao (do vị trí địa lí thuộc vành đai nóng, nhận được lượng nhiệt Mặt trời lớn...) | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **6**  **(3,5**  **điểm)** | **a. Vẽ biểu đồ**  \* Xử lí số liệu  Tổng sản phẩm trong nước theo giá trị thực tế phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2002 và 2014.  *(Đơn vị: %)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Năm**  **Ngành** | **2002** | **2014** | | Nông- Lâm-Ngư nghiệp | 23,0 | 19,7 | | Công nghiệp-Xây dựng | 38,5 | 36,9 | | Dịch vụ | 38,5 | 43,4 | | Tổng | 100 | 100 |   \* Vẽ biểu đồ: 2 biểu đồ hình tròn, đảm bảo chính xác, ghi số liệu vào biểu đồ, ghi chú thích và tên biểu đồ.  (Nếu thiếu những yêu cầu trên trừ mỗi tiêu chí 0,25 điểm)  **b. Nhận xét và giải thích**  \* Nhận xét: Từ năm 2002 đến 2014 cơ cấu tổng sản phẩm trong nước có sự thay đổi: Tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm, tỷ trọng ngành công nghiệp giảm nhẹ, tỷ trọng ngành dịch vụ tăng (D/C).  \* Giải thích: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi tỉ trọng các ngành kinh tế do nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phù hợp với xu thế chung của khu vực và thế giới. | 0,5  2,0  0,5  0,5 |
|  | **Tổng điểm toàn bài** | **20** |

BUỔI 20. ĐỀ SỐ 8. Ngày dạy: 19/1/2022

**Câu 1: (3,0 điểm)**

1**.** Nêu hệ quả của sự chuyển động của TĐ quanh MT? Nguyên nhân sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa?

2. Trình bày nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm? Sự thay đổi của các mùa tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt đông sản xuất và đời sống của con người

**Câu 2: (3,0 điểm)**

1. Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của lãnh thổ của nước ta?

2.Hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng gì tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải ở nước ta?

**Câu 3: (3,0 điểm):**

1. Chứng minh địa đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình VN?

2. Trình bày những thuận lợi và khó khăn của đặc điểm tự nhiên nhiều đồi núi với sự phát triển kinh tế – xã hội nước ta.

**Câu 4: (3,0 điểm):**

1. Vùng biển Việt Nam mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó thông qua các yếu tố khí hậu biển ?

2. Biển nước ta đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với tự nhiên và đời sống kinh tế của nước ta?

**Câu 5: (4,0 điểm): Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam**

1. Chứng minh rằng nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng? Giải thích tại sao Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản?

2. Thanh hóa có những hệ thống sông nào? Nêu giá trị sông ngòi Thanh Hóa (địa phương)?

**Câu 6: (4,0 điểm)**

Cho bảng sau:Tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm xã hội của một số nước Đông Nam Á Giai đoạn 1980 – 2000 (đơn vị %)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quốc gia | Nông nghiệp | | Công nghiệp | | Dịch vụ | |
| 1980 | 2000 | 1980 | 2000 | 1980 | 2000 |
| Lào | 61.2 | 52.9 | 14.5 | 22.8 | 24.3 | 24.3 |
| Philippin | 25.1 | 16.0 | 38.8 | 31.1 | 36.1 | 52.9 |

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm xã hội

của hai quốc gia Lào và Philippin năm 2000.

2. Nhận xét cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm xã

hội của hai quốc gia trên, giai đoạn 1980 - 2000?